

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ sung Ngân hàng (cơ sở dữ liệu)**  
**tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Ngân hàng (cơ sở dữ liệu) tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 68/SVHTTDL-QLVHGD ngày 09/01/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung Ngân hàng (cơ sở dữ liệu) tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh. (phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Điều 1 Quyết định này nghiên cứu, phục vụ cho việc đặt, đổi tên đường, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Thành viên HĐTV đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh;
- Báo Bình Thuận, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KGVXNV. Hương.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Đoàn Anh Dũng**

## PHỤ LỤC

### Bổ sung Ngân hàng (cơ sở dữ liệu) tên đường và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 308 /QĐ-UBND ngày 06 /02/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

## I. BỔ SUNG VÀO MỤC II. DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA TIÊU BIỂU THUỘC NGÂN HÀNG (CƠ SỞ DỮ LIỆU) TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3136/QĐ-UBND NGÀY 13/11/2018 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

### - ÂU LẠC

Quốc hiệu Việt Nam thời An Dương Vương. Năm 208 trước Công Nguyên, sau cuộc kháng chiến chống Tần thắng lợi, Hùng Vương nhường ngôi cho Thục Phán. Thục Phán lên làm vua, hiệu là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (nay là xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội).

### - BA ĐÌNH

Nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn độc lập vào ngày 02/9/1945, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### - CHIẾN THẮNG

Chiến thắng có nghĩa là một trong những trạng thái hoàn thành mà con người và cả xã hội luôn khao khát đạt được. Chiến thắng không chỉ đơn thuần là vượt qua và giành lấy lợi thế trong các cuộc thi, trận đấu hay cuộc chiến, mà còn hàm chứa đằng sau nó là những nỗ lực, sự kiên nhẫn, sự dũng cảm và khả năng vượt qua khó khăn.

Mỗi chiến thắng đều có ý nghĩa và tầm quan trọng riêng, không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với cả cộng đồng và xã hội. Chiến thắng trong cuộc thi thể thao mang lại niềm vui, lòng tự hào cho đội tuyển và quốc gia. Chiến thắng trong kinh doanh thể hiện sự thành công, năng lực và chiến lược vượt trội của một doanh nghiệp hay doanh nhân. Chiến thắng trong cuộc tranh luận chính trị đem lại niềm tin của cử tri và cơ hội thay đổi tốt đẹp cho đất nước.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, mở ra một bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Vừa mới ra đời, Đảng “liên giương cao ngọn cờ cách mạng, đoàn kết và lãnh đạo toàn dân ta tiến lên đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp”. Trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới ánh sáng soi đường của Đảng và Bác Hồ vĩ đại, Nhân dân Việt Nam đã phải trải qua biết bao gian khổ, hàng triệu người con đã anh dũng hy sinh xương máu cho hòa bình, độc lập của đất nước. Ngày 30/4/1975 đã ghi một dấu son chói lọi trong lịch sử đấu tranh

cách mạng Việt Nam - Ngày toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất tổ quốc.

### **- CHƯƠNG DƯƠNG**

Chương Dương là một căn cứ quan trọng của quân xâm lược Mông - Nguyên nằm trên hữu ngạn sông Hồng, cách kinh thành Thăng Long khoảng 20 km về phía Nam (thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông trước đây). Căn cứ này như tấm lá chắn bảo vệ phía Nam kinh thành Thăng Long.

Đầu năm 1285, quân xâm lược Nguyên - Mông ồ ạt tiến vào nước ta do Thoát Hoan chỉ huy. Với chiến lược lấy yếu đánh mạnh, lấy nhỏ đánh lớn, Quốc công tiết chế Trần Quốc Tuấn và vua Trần đã đề ra chủ trương tránh những trận đánh bất lợi cho ta, từng bước lui quân, dàn lại thế trận, đợi thời cơ. Tháng 6/1285, khi thời cơ đến, quân dân nhà Trần đã đánh mạnh ở Chương Dương, như địch rồi tập kích, thu hồi lại kinh thành Thăng Long, nhanh chóng giành thế thắng lợi đẩy đạo quân Thoát Hoan vào thế cùng phải tháo chạy về nước. Chiến thắng Chương Dương có vị trí rất to lớn trong cuộc chiến chống xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai. Đây là một trận then chốt quyết định thắng lợi của quân dân nhà Trần đối với quân xâm lược ngay trên mảnh đất kinh thành Thăng Long.

### **- DÂN CHỦ**

Dân chủ là một thuật ngữ xã hội. Dân chủ là người dân tự làm chủ mình và làm chủ xã hội. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước cách mạng ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.... Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra.... Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Đây là điểm khác nhau về bản chất giữa nhà nước dân chủ nhân dân với các nhà nước của giai cấp bóc lột đã từng tồn tại trong lịch sử.

### **- DIÊN HỒNG**

Diên Hồng là tên cung điện trong Hoàng thành Thăng Long thời Trần, nơi Thượng hoàng Trần Thánh Tông tổ chức ban yến cho các vị đại diện bộ lão từ khắp các làng xã trên cả nước triệu tập về kinh đô để bàn về một quyết sách trước họa xâm lăng của giặc Nguyên Mông đang đe dọa vận mệnh quốc gia.

Để chủ động đối phó với dã tâm của đế quốc Nguyên Mông, năm 1282, triều Trần đã triệu tập các tướng lĩnh cao cấp đến tham dự hội nghị Bình Than để bàn định chiến lược và những kế sách cụ thể trong cuộc đọ sức không thể nào tránh khỏi với kẻ thù. Cuối năm 1284, để thống nhất ý chí và cũng là để tập hợp sức mạnh của toàn dân, triều đình nhà Trần đã trân trọng mời các vị bộ lão đại diện cho Nhân dân các làng xã về dự một cuộc hội nghị đặc biệt tại cung điện Diên Hồng. Thượng hoàng Trần Thánh Tông và Hoàng đế Trần Nhân Tông đích thân chủ trì hội nghị.

Tại hội nghị Diên Hồng, các vị bộ lão được nghe thông báo những tin tức về việc quân giặc đã áp sát biên giới phía Bắc nước ta. Quyết sách được định

đoạt tại hội nghị này là sự lựa chọn một trong hai giải pháp là “đánh” hay “không đánh” (nói cách khác là để trả lời câu hỏi nên “hòa” hay “chiến”) một khi quân giặc kéo sang xâm lăng bờ cõi nước ta. Nếu chấp nhận hòa với quân giặc nghĩa là mất tất cả còn như nếu toàn dân đồng lòng liều chết để đánh thì có thể giữ được tất cả. Vậy, Đại Việt nên hòa hay nên đánh? Được nhà vua hỏi kế đánh giặc, các bô lão muôn người cùng hô một tiếng “Đánh!” Và tiếng hô quyết đánh đã rung chuyển cả điện Diên Hồng. Câu hỏi của những người đứng đầu Nhà nước Đại Việt đặt ra cho các bô lão, tầng lớp được tôn trọng nhất trong xã hội nước ta thuở đó, chính là sự củng cố sức mạnh đoàn kết của toàn dân trước thử thách mới của lịch sử.

Sử sách cũng chép tiếp rằng tháng 12 năm Giáp Thân (1284), thấy thế giặc rất mạnh, vua Trần Nhân Tông lại ước hỏi vị tư lệnh chiến trường của mình là Trần Quốc Tuấn: “Thế giặc to như vậy mà chống với chúng thì dân chúng bị tàn sát, nhà cửa bị phá hại, hay là trăm sẽ chịu hàng để cứu muôn dân?” thì lập tức nhận được câu trả lời rằng: “Bệ hạ nói câu ấy là lời nhân đức, nhưng tôn miếu, xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hết hãy chém đầu thần đi đã, rồi hãy hàng!”. Như thế là đã có dân, lại có cả tướng chung một ý chí quyết đánh, như sử chép trai tráng Đại Việt xăm hai chữ “sát thát” vào cánh tay rồi đầu quân ra trận. Hiểu được lòng dân, Nhà Trần đã tự tin vạch ra được những kế sách chống xâm lăng sắc sảo và chuẩn xác.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Nguyên Mông diễn ra vào năm 1285 gắn chặt với thành công của cuộc hội nghị lịch sử đặc biệt này. Tuy còn phải có thêm cuộc kháng chiến lần thứ ba diễn ra từ tháng 12/1287 đến tháng 4/1288 mới toàn thắng sau trận quyết chiến trên sông Bạch Đằng, nhưng ý chí được người xưa chép lại rất mộc mạc “muôn người cùng hô một tiếng như bật ra từ một cửa miệng” tại Hội nghị Diên Hồng chính là bài học lớn nhất mà lịch sử dân tộc Việt Nam đã đúc kết, không chỉ với sự nghiệp giữ nước.

Hội nghị Diên Hồng là một sáng tạo rất độc đáo của nhà Trần, là biểu hiện của ý thức tin tưởng vào sức mạnh và trí tuệ của toàn dân. Mỗi mỗi “Hội nghị Diên Hồng” sẽ ăn sâu và trao truyền trong tâm thức của người dân Việt Nam như một sức mạnh của truyền thống gắn liền với mục tiêu phấn đấu cho nền dân chủ hiện đại. Kể từ đó hai chữ Diên Hồng đã trở thành biểu trưng cho ý chí thống nhất của một dân tộc, thể hiện sự đồng lòng nhất trí giữa Nhà nước với người dân trong mối quan hệ vua - tôi, trên - dưới... Hội nghị Diên Hồng cũng mang ý nghĩa như một nguyên lý tạo nên sức mạnh dân tộc trước những thử thách của lịch sử và trong chừng mực nào đó cũng biểu hiện nhân tố cận dân, thân dân.

### **- ĐẠI NAM**

Vua Minh Mạng lên ngôi vào tháng Giêng năm Canh Thìn (1820), làm vua được 21 năm (1820 - 1840). Trong thời gian ở ngôi, nhà vua đã có nhiều cải cách quan trọng: Cho bỏ các dinh và trấn mà thành lập các tỉnh (cả nước được chia làm 31 tỉnh); định lại quan chế, đặt mức lương bổng của các quan tùy theo

ngạch trật; thống nhất việc đo lường và thống nhất y phục; khuyến khích dân khai hoang lập ấp, sửa sang hệ thống giao thông, lập nhà dưỡng tế ở các tỉnh để giúp đỡ những người nghèo khổ, tàn tật, già cả không nơi nương tựa.... Đề cao Nho học và khuyến khích nhân tài ra giúp nước là một trong những việc rất được vua Minh Mạng chú trọng. Nhà vua cho lập Quốc Tử Giám, mở thêm kỳ thi Hội và thi Đình (thời Gia Long chỉ có thi Hương).

Lãnh thổ Việt Nam dưới thời Minh Mạng được mở rộng nhất trong lịch sử và Việt Nam thực sự trở thành một quốc gia hùng mạnh. Vì vậy vào năm 1838, vua Minh Mạng cho đổi tên nước ta là Đại Nam. Quốc hiệu Đại Nam được dùng chính thức cho đến năm 1945, tổng cộng 107 năm.

### **- ĐẠI VIỆT**

Quốc hiệu của nước ta, chính thức vào thời Lý Thánh Tông đến thời Trần (từ năm 1054 đến năm 1400). Năm 1400, Hồ Quý Lý cướp ngôi Nhà Trần, đặt tên nước là Đại Ngu. Năm 1428, sau khởi nghĩa Lam Sơn thắng lợi, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, đặt lại quốc hiệu là Đại Việt. Quốc hiệu Đại Việt trải qua các triều đại Lê Sơ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn và đầu Nguyễn, tổng cộng 722 năm. Quốc hiệu Đại Việt tồn tại đến năm 1804 khi Nguyễn Gia Long đổi tên nước là Việt Nam.

### **- ĐOÀN KẾT**

Đoàn kết là một trong những nội dung quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, cộng đồng của dân tộc Việt Nam chính là cơ sở đầu tiên, sâu xa cho sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết. Người đã nói: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Thực hiện theo tư tưởng của Người, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam đang ra sức củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, nhằm tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

### **- HẠNH PHÚC**

Hạnh phúc là trạng thái của con người khi đã được thỏa mãn hoàn toàn theo ý muốn. Hạnh phúc là cảm giác ta đạt được điều mong muốn sau nhiều nỗ lực về tâm trí, thời gian, có những điều to tát, có những điều giản dị, cụ thể, ngay chính trong ta, bên cạnh ta.

### **- HỮU NGHỊ**

Thân thiện, có tính chất bạn bè (thường nói về quan hệ giữa các nước). Ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới.

Hơn 90 năm qua, Đảng ta luôn coi trọng việc xây dựng tình đoàn kết hữu nghị với bạn bè quốc tế. Đặc biệt từ sau khi thực hiện đường lối đổi mới, quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với các nước trên thế giới không ngừng được

tăng cường và phát triển. Mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

### **- LAM SƠN**

Lam Sơn là vùng núi thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Là địa danh nổi tiếng trong kháng chiến chống quân Minh thời Bình Định vương Lê Lợi. Đây là nơi Lê Lợi quy tụ nhân tài hào kiệt chống lại bọn phong kiến phương Bắc đô hộ. Sau 10 năm chiến đấu (1418 - 1428), trải qua bao gian khổ, ông mới giải phóng được đất nước. Khi lên ngôi hoàng đế, vua Lê Thái Tổ đặt kinh đô ở Thăng Long. Lam Sơn được gọi là Lam Kinh, nơi có mồ mã tổ tiên các vua Lê.

### **- TÂN TRÀO**

Tân Trào - thủ đô khu giải phóng, trung tâm thủ đô kháng chiến là một chứng tích lịch sử quan trọng của dân tộc Việt Nam trong Cách mạng Tháng Tám và 09 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nơi đây in đậm dấu ấn những hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận, các bộ, ban, ngành Trung ương trong kháng chiến. Tháng 5/1945, Tân Trào được chọn làm căn cứ địa cách mạng, là nơi ở và làm việc của Bác Hồ, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh để chuẩn bị lãnh đạo của Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Tại Tân Trào, Bác Hồ đã chỉ đạo thành lập khu giải phóng gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang. Những ngày đầu khi mới về Tân Trào, Bác Hồ ở cùng gia đình ông Nguyễn Tiến Sự tại thôn Tân Lập, khi ấy còn có tên là làng Kim Long. Thời gian Bác ở và làm việc tại đây, để giữ bí mật cho an toàn khu, đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ giới thiệu Bác là một cán bộ cách mạng thượng cấp. Hằng ngày, Bác thường ăn mặc rất giản dị trong chiếc áo chàm của đồng bào dân tộc Tày trong vùng, nên bà con gọi Bác tên gọi rất thân thương và gần gũi là ông Ké cách mạng hay ông Ké Tân Trào. Tuy nhiên, để bảo đảm bí mật và tiện làm việc, ít ngày sau, Bác Hồ đã chuyển lên ở trên lán Nà Nưa và làm việc từ cuối tháng 5 đến 22/8/1945 để chuẩn bị và lãnh đạo cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Tân Trào là thủ đô lâm thời của khu giải phóng, nơi Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành hội nghị toàn quốc ngày 13/8/1945 để quyết định tổng khởi nghĩa. Đại hội quốc dân đã họp tại đây ngày 16/8/1945, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, bầu ra một chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm chủ tịch và quân giải phóng Việt Nam làm lễ ra quân.

Chiến khu Tân Trào là khu di tích lịch sử của cách mạng Việt Nam thời kỳ Cách mạng tháng Tám. Hiện nay, nơi đây đã được Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đưa vào danh sách xếp hạng 23 di tích quốc gia đặc biệt. Tân Trào là tên mới, được hợp nhất từ hai xã Tân Lập và Hồng Thái vào năm 1945 (trước đây còn gọi là Kim Long và Kim Châu).

Khu di tích lịch sử Tân Trào nằm trong một thung lũng nhỏ thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, cách Thành phố Tuyên Quang khoảng 41 km, cách Hà Nội khoảng 150 km, với diện tích khoảng 6.633 ha. Đây là vùng đồi núi thấp, có độ cao trong khoảng từ 95 đến 814m. Khu vực này nằm trong lưu vực sông Lô, sông này đổ vào sông Hồng tại Việt Trì.

Chiến khu Tân Trào ghi đậm dấu ấn của cách mạng Việt Nam và ngày nay đây là một địa chỉ du lịch thu hút nhiều du khách.

### **- THĂNG LONG**

Tên gọi của kinh đô nước ta. Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La và đổi tên là thành Thăng Long (Hà Nội ngày nay). Thăng Long có nghĩa là “Rồng bay”, là sự thể hiện khát vọng và ý chí vươn lên mạnh mẽ của dân tộc, chứa đựng ý niệm thiêng liêng về nguồn gốc “Con rồng cháu tiên” và ước mơ về nguồn nước, mưa thuận gió hòa của cư dân văn minh nông nghiệp trồng lúa nước. Ngày nay, Thăng Long trở thành tên gọi thân thương trong sâu thẳm tình cảm của mỗi người dân Việt Nam.

### **- TRUNG HIẾU**

Trung hiếu là một thuật ngữ xã hội. Trung với nước, hiếu với dân là phẩm chất quan trọng nhất trong chuẩn mực chung của đạo đức cách mạng Việt Nam.

Theo Hồ Chí Minh, trung với nước là sự trung thành với sự nghiệp dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước của Nhân dân. Nước ở đây là nước của dân, còn dân là người làm chủ, chủ nhân của đất nước “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, “bao nhiêu lợi ích đều vì dân”. Hiếu với dân không chỉ dừng lại ở chỗ thương dân mà còn là gần dân, dựa hẳn vào dân, lấy dân làm gốc.

“Trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hy sinh vì độc lập, tự do của tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội...” là chuẩn mực đạo đức bao trùm của con người Việt Nam, là định hướng chính trị - đạo đức lớn nhất cho mỗi người, là khát vọng vươn lên tự hoàn thiện mình của tất cả nhân dân Việt Nam theo tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh.

### **- TRƯỜNG SƠN**

Tên một đường mòn chiến lược hình thành tháng 5/1959 còn gọi là đường 559, là đường mòn Hồ Chí Minh. Đây là con đường bắt nguồn từ phía Bắc tiến dần vào Nam xuyên qua dãy Trường Sơn hùng vĩ, qua biên giới 3 nước Việt, Lào, Campuchia vào tận miền Đông Nam bộ, tổng chiều dài 20.000km.

Trong vòng cuộc kháng chiến chống Mỹ, chiến sĩ và Nhân dân trên tuyến đường Trường Sơn đã đánh trả trên 11 vạn trận oanh kích của máy bay địch, trên 1.000 trận với biệt kích, thám báo, hứng chịu 3 triệu tấn bom. Đã bắn rơi 2.500 máy bay, tiêu diệt gần 2 vạn quân địch. Cũng tại nơi đây, hàng ngàn chiến sĩ và Nhân dân đã anh dũng hy sinh. Đường Trường Sơn đã trở thành chứng tích lịch sử oai hùng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

## **- VĂN LANG**

Quốc hiệu đầu tiên của Việt Nam. Theo ghi chép của sử cũ, nước ta lúc đầu có tên là Văn Lang. Đứng đầu nước Văn Lang là Hùng Vương. Những kết quả nghiên cứu mới nhất của giới sử học cho biết Văn Lang ra đời vào khoảng thế kỷ VII trước Công Nguyên và kết thúc vào năm 208 trước công nguyên. Kinh đô của Văn Lang là Phong Châu (nay là huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ).

## **- VÂN ĐỒN**

Vân Đồn là một hòn đảo dài 18 km nằm trong vịnh Bái Tử Long, ngoài khơi bờ biển Quảng Ninh. Tháng 12/1287, với số quân khoảng 50 vạn, giặc Nguyên ráo riết tiến hành xâm lược nước ta một lần nữa. Đặc biệt chúng mang theo đoàn thuyền lương gồm 70 chiếc chuyên chở 17 vạn thạch lương làm lương ăn cho đạo quân xâm lược và bố trí lực lượng thủy binh hùng hậu hộ tống do Ô Mã Nhi chỉ huy. Đầu năm 1288, dưới sự chỉ huy của Phó tướng Trần Khánh Dư, thủy quân nhà Trần đã đánh tan đoàn thuyền lương của giặc tại Vân Đồn.

Chiến thắng Vân Đồn có tầm quan trọng rất lớn đối với cuộc kháng chiến chống Nguyên lần thứ ba: Làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của quân Nguyên. Đây là đòn chí tử, giáng đúng vào chỗ hiểm của đối phương, góp phần quan trọng vào việc đẩy nhanh cuộc rút quân của đạo quân xâm lược nhà Nguyên, là chiến công sáng chói của nghệ thuật quân sự và lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam.

## **- VIỆT BẮC**

Việt Bắc là địa danh lịch sử cách mạng nằm về phía Đông Bắc Bắc bộ. Ngày 04/6/1945 theo chỉ thị của Bác Hồ, khu giải phóng Việt Bắc được thành lập gồm các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên và trở thành căn cứ cách mạng của cả nước. Trung tuần tháng 3/1947, sau khi Pháp tái chiếm Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng cơ quan đầu não của Chính phủ di chuyển lên Việt Bắc để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Việt Bắc từ đó trở thành căn cứ địa của cuộc kháng chiến cho đến ngày 10/10/1954 Hà Nội được giải phóng, Chính phủ cách mạng rời Việt Bắc về tiếp quản thủ đô.

Việt Bắc được gọi một cách văn hoa là thủ đô kháng chiến, bởi đây là nơi trú đóng của cơ quan đầu não Đảng cộng sản Việt Nam thời kỳ trước khởi nghĩa năm 1945 và là nơi trú đóng của Chính phủ Việt Minh trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Việt Bắc cũng được gọi là thủ đô gió ngàn, tên gọi này được bắt nguồn từ bài thơ Sáng tháng năm của nhà thơ Tố Hữu.

**II. BỔ SUNG VÀO MỤC III. TÊN CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH TIÊU BIỂU THUỘC NGÂN HÀNG (CƠ SỞ DỮ LIỆU) TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3136/QĐ-UBND NGÀY 13/11/2018 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

## **- DI TÍCH CẤP QUỐC GIA:**



**28. THẮNG CẢNH BÀU TRẮNG** (xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình) đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích cấp quốc gia tại Quyết định số 3040/QĐ-BVHTTDL ngày 03/9/2019.

Bàu Trắng (thực ra là hồ, người miền Trung gọi là bàu dạng như Bàu Tró ở Quảng Bình, làng gồm Bàu Trúc của người Chăm tỉnh Ninh Thuận...) là thắng cảnh tự nhiên tọa lạc tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Theo các nhà khoa học, để hình thành những bàu này nguyên trước đây là các lạch trũng thoát triều, đâm phá ven biển, sau bị các cồn cát chặn lại ở phía ngoài khiến cho chúng không thông được với biển. Các lạch trũng này sau hàng triệu năm bị thoái hóa và được lấp đầy bởi vật liệu do hoạt động của biển, tạo nên bề mặt tích tụ biển - đâm phá như ngày nay.

Sách Đại Nam nhất thống chí viết về Bàu Trắng: Hồ trắng có hai hồ, hồ trên và hồ dưới, ở phía Tây Nam huyện Hoà Đa, phía Tây ba động (3 động cát - người dân địa phương gọi đôi là động dạng như di tích khảo cổ động Bà Hòe, động Trũng...). Hồ trên chu vi 8 dặm linh, hồ dưới chu vi 22 dặm linh, nước trong ngọt bốn mùa không tăng không giảm. Xung quanh được bao bọc bởi các triền cát rộng mênh mông chạy dài xen lẫn với nhiều cây rừng thấp. Đây được ví như là tiểu sa mạc Sahara ở Bình Thuận nên từ trước đến nay người dân nơi đây chủ yếu dựa vào nguồn nước Bàu Trắng để phục vụ đời sống và sản xuất. Theo thời gian, vì sự trân trọng, hàm ơn đối với bàu nước ngọt quý giá đã mang sự sống đến với vùng đất khô hạn này mà người dân địa phương quen gọi là bàu Ông và bàu Bà.

Ngày nay bàu Trắng không chỉ là nơi cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân xã Hòa Thắng mà còn là thắng cảnh tự nhiên tuyệt đẹp đã và đang có sức thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế. Qua ống kính nghệ thuật, cảnh sắc thiên nhiên bàu Trắng càng trở nên lung linh, huyền ảo đầy sức lôi cuốn, mời gọi du khách. Nổi bật với tác phẩm “Dốc” (ảnh đạt Huy chương Vàng quốc tế tại Thổ Nhĩ Kỳ); “Đường đời” (ảnh đạt Huy chương Bạc quốc tế tại Ý năm 2016) của nhiếp ảnh gia Tâm Mỹ. Những tác phẩm nghệ thuật này không chỉ mang đến tên tuổi cho các nhà nhiếp ảnh mà còn góp phần quảng bá hình ảnh du lịch bàu Trắng, khơi dậy niềm đam mê khám phá du lịch trên vùng đất này đối với du khách. Với vẻ đẹp hoang sơ đầy sức lôi cuốn, trong những năm qua bàu Trắng đã trở thành điểm đến có sức hút rất đông lượng khách du lịch trong và ngoài nước, mang đến danh hiệu cho du lịch bàu Trắng: Top 100 điểm đến ấn tượng Việt Nam 2013; điểm đến được ưa thích ASEAN do Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch trao tặng năm 2014; top 100 điểm du lịch được yêu thích khu vực phía Nam năm 2016.

#### **- DI TÍCH CẤP TỈNH:**

**17. Di tích lịch sử - văn hóa CHÙA PHƯỚC AN** (xã Chí Công, huyện Tuy Phong) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 24/6/2011. (Nội dung này thay thế nội

dung tại số thứ tự 17 phần Di tích cấp tỉnh của Mục III, Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

**39.** Di tích lịch sử - văn hóa **THÁP NƯỚC PHAN THIẾT** (phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 19/10/2018.

**40.** Di tích kiến trúc nghệ thuật **ĐỀN THỜ BẠCH MÃ THÁI GIÁM** làng Phú Mỹ (xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 06/12/2018.

**41. THẮNG CẢNH ĐỒI CÁT BAY MŨI NÉ** (phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 04/11/2019.

**42. THẮNG CẢNH SUỐI TIÊN** (phường Hàm Tiến và xã Thiện Nghiệp thành phố Phan Thiết) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 26/11/2019.

**43. THẮNG CẢNH BÃI ĐÁ CÀ DUỢC** (Bãi đá Bảy Màu) (xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 18/8/2020.

**44.** Di tích lịch sử - văn hóa **ĐỀN THỜ THIÊN Y A NA** (xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2790/QĐ-UBND ngày 12/11/2020.

**45.** Di tích lịch sử - văn hóa **VẠN TÂN LONG** (phường Bình Tân, thị xã La Gi) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 11/10/2022.

**46. THẮNG CẢNH HÒN CAU** (xã Phước Thê, huyện Tuy Phong) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 07/11/2022.

**47.** Di tích lịch sử - văn hóa **NHÀ TƯỞNG NIỆM TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẤN** (xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1308/QĐ-UBND ngày 04/7/2023.

**48.** Di tích lịch sử - cách mạng căn cứ kháng chiến **ĐỒI LỒ Ô** (xã Sùng Nhơn, huyện Đức Linh) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 20/7/2023.

**49.** Di tích lịch sử - cách mạng **CHIẾN THẮNG XÓM MƯỜI NHÀ** (xã Mê Pu, huyện Đức Linh) đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 25/10/2023.

**III. BỔ SUNG VÀO MỤC IV. TÊN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, SỰ KIỆN LỊCH SỬ, CHIẾN THẮNG TIÊU BIỂU IV.1. TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC THUỘC NGÂN HÀNG (CƠ SỞ DỮ LIỆU) TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BAN HÀNH KÈM**

## **THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3136/QĐ-UBND NGÀY 13/11/2018 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

### **19. BIÊN GIỚI**

Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam vào hệ thống phòng ngự của quân Pháp trên tuyến Cao Bằng - Lạng Sơn năm 1950, mở ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến của Nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

### **20. HAI MƯƠI BẢY THÁNG BẢY (27/7)**

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) ra đời chưa được bao lâu thì thực dân Pháp quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Với tinh thần “... thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu chống lại quân xâm lược. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến quyết liệt chống thực dân Pháp, nhiều đồng bào, chiến sỹ đã ngã xuống, hy sinh một phần xương máu trên các chiến trường. Với truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, Đảng, Chính phủ, Bác Hồ và Nhân dân ta đã dành tất cả tình thương yêu cho các chiến sỹ và đồng bào đã vì độc lập, tự do của Tổ quốc mà bị thương hoặc hy sinh.

Đầu năm 1946, Hội giúp binh sỹ bị nạn ra đời ở Thuận Hóa (Bình Trị Thiên), rồi đến Hà Nội và một số địa phương khác.... Sau đó ít lâu được đổi thành Hội giúp binh sỹ bị thương. Ở Trung ương có Tổng Hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh được bầu là Chủ tịch danh dự của Tổng Hội.

Ngày 28/5/1946, Hội giúp binh sỹ bị nạn tổ chức một cuộc nói chuyện quan trọng tại Nhà hát Lớn Hà Nội để kêu gọi mọi người gia nhập Hội và hăng hái giúp đỡ các chiến sỹ bị thương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự.

Ngày 17/11/1946, cũng tại Nhà hát Lớn Hà Nội, Hội Liên Hiệp quốc dân Việt Nam đã tổ chức lễ xung phong “Mùa đông binh sỹ”, mở đầu cuộc vận động “Mùa đông binh sỹ” trong cả nước để giúp chiến sỹ trong mùa đông giá rét. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự buổi lễ và Người đã cởi chiếc áo đang mặc để tặng binh sỹ.

Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ngày 19/12/1946, theo lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhất tề đứng dậy kháng chiến với tinh thần “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”. Số người bị thương và hy sinh trong chiến đấu tăng lên, đời sống của chiến sỹ, nhất là những chiến sỹ bị thương gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Trước tình hình trên, Đảng và Nhà nước ta đã đưa ra nhiều quyết định với những chính sách quan trọng về công tác thương binh, liệt sỹ, góp phần ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho thương binh, gia đình liệt sỹ.

Ngày 16/2/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức ký Sắc lệnh số 20/SL, quy định chế độ hưu bổng, thương tật và tiền tuất tử sỹ. Đây là văn bản

pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh, liệt sỹ đối với cuộc kháng chiến và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đến thương binh, bệnh binh và gia đình liệt sỹ.

Tháng 6/1947, đại biểu của Tổng bộ Việt Minh, Trung ương Hội phụ nữ cứu quốc, Trung ương Đoàn thanh niên cứu quốc, Cục Chính trị quân đội quốc gia Việt Nam, Nha Thông tin tuyên truyền và một số địa phương đã họp tại Đại Từ (Bắc Thái) để bàn về công tác thương binh, liệt sỹ và thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn một ngày nào đó làm ngày thương binh liệt sỹ. Tại cuộc họp này các đại biểu đã nhất trí chọn ngày 27/7 là ngày “Thương binh toàn quốc”. Từ đó hàng năm cứ vào dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều gửi thư, quà thăm hỏi, động viên, nhắc nhở mọi người phải biết ơn và hết lòng giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sỹ. Đặc biệt, từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh càng quan tâm hơn đến công tác thương binh, liệt sỹ.

Từ tháng 7/1955, Đảng và Nhà nước ta quyết định đổi “ngày thương binh toàn quốc” thành “ngày thương binh, liệt sỹ” để ghi nhận những hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc.

Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc, theo Chỉ thị 223/CT-TW ngày 08/7/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1975, ngày 27/7 hàng năm chính thức trở thành “ngày thương binh, liệt sỹ” của cả nước.

Mỗi năm cứ đến “ngày Thương binh, liệt sỹ” nhất là vào dịp kỷ niệm năm tròn, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta lại tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, đầy tình nghĩa chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng.

## **21. HAI MƯƠI HAI THÁNG MƯỜI HAI (22/12)**

Tháng 12/1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, với mục đích: “Tên Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị quan trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền..., đồng thời nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc...”.

Ngày 22/12/1944, tại khu rừng thuộc huyện Nguyên Bình (Cao Bằng), Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã chính thức làm lễ thành lập, gồm 3 tiểu đội với 34 chiến sỹ được lựa chọn từ những chiến sỹ Cao - Bắc - Lạng, do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Đây là đơn vị chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng và là tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Hoàng Sâm làm đội trưởng, đồng chí Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) làm chính trị viên, đồng chí Hoàng Văn Thái phụ trách Kế hoạch - Tình báo, đồng chí Vân Tiên (Lộc Văn Lùng) quản lý. Đội có chi bộ Đảng lãnh đạo.

Dù chỉ có 34 người, với 34 khẩu súng các loại nhưng họ là những chiến sĩ kiên quyết, dũng cảm trong các đội du kích Cao - Bắc - Lạng, Cứu quốc quân,... là con em các tầng lớp nhân dân bị áp bức, họ có lòng yêu nước, chí căm thù địch rất cao, đã siết chặt họ thành một khối vững chắc, không kẻ thù nào phá vỡ nổi.

Sau lễ thành lập, Đội tổ chức một bữa cơm nhạt không rau, không muối để nêu cao tinh thần gian khổ của các chiến sĩ cách mạng, đội tổ chức “đêm du kích” liên hoan với đồng bào địa phương để thắt chặt tình đoàn kết quân dân.

Chấp hành chỉ thị “phải đánh thắng trận đầu”, ngay sau ngày thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã mưu trí, táo bạo, bất ngờ đột nhập vào đồn Phai Khắt (17 giờ chiều 25/12/1944) và sáng hôm sau (7 giờ ngày 26/12/1944) đột nhập đồn Nà Ngần, tiêu diệt gọn 02 đồn địch, giết chết 02 tên đồn trưởng, bắt sống toàn bộ binh lính, thu toàn bộ vũ khí, quân trang, quân dụng. Hai trận đánh đồn Phai Khắt, Nà Ngần thắng lợi đã mở đầu truyền thống đánh tiêu diệt, đánh chắc thắng, đánh thắng trận đầu của quân đội ta suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Từ ngày thành lập, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân luôn phát triển và trưởng thành. Ngày 22/12/1944 được xác định là ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đánh dấu sự ra đời của một tổ chức quân sự mới của dân tộc ta. Một quân đội của dân, do dân, vì dân; luôn gắn bó máu thịt với dân, luôn luôn được dân tin yêu, đùm bọc.

Năm 1989, theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quyết định của Chính phủ, ngày 22/12 hàng năm không chỉ là ngày kỷ niệm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam mà còn là Ngày hội Quốc phòng toàn dân.

Từ đó, mỗi năm, cứ đến ngày này, toàn dân Việt Nam lại tiến hành các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội như mít tinh, hội thảo, hội nghị đoàn kết quân dân, giáo dục truyền thống, biểu diễn văn nghệ, đại hội thanh niên, thi đấu thể thao, hội thao quân sự,... được diễn ra ở khắp làng, xã, cơ quan đoàn thể, cơ sở đơn vị...

## **22. HAI THÁNG CHÍN (2/9)**

Là ngày Quốc khánh của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 02/9/1945 tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## **23. MỘT THÁNG NĂM (1/5)**

Ngày Quốc tế lao động, ngày lễ của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.

Vào những năm 80 thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển kéo theo sự phát triển của đội ngũ giai cấp vô sản, họ bị bóc lột và áp bức tàn tệ, ngày làm việc từ 12 - 16 giờ. Ngày 1/5/1886 tại Mỹ, hơn 30 vạn công nhân ở thành phố Chicago và một số thành phố khác đã rầm rộ bãi công và biểu tình thị uy, buộc

các nhà tư bản phải đáp ứng một phần yêu sách của công nhân trong đó có yêu sách đòi thực hiện chế độ ngày làm việc 8 giờ. Cuộc đấu tranh đã giành được thắng lợi bước đầu. Cuộc đấu tranh của công nhân Mỹ đã được sự ủng hộ của công nhân các nước trên thế giới.

Tháng 7/1889, tại Đại hội thành lập quốc tế thứ hai ở Pari đã thông qua Nghị quyết: Ngày 1/5/1890 những người lao động trên toàn thế giới sẽ tổ chức các cuộc mít tinh và lấy ngày đó làm ngày kỷ niệm hàng năm. Từ đó ngày 1/5 trở thành “Ngày Quốc tế lao động”.

## **24. MỘT THÁNG SÁU (1/6)**

Ngày 1/6 hàng năm là ngày quốc tế thiếu nhi hay còn gọi là tết thiếu nhi. Để tưởng nhớ đến hàng trăm sinh mạng trẻ em vô tội đã bị phát xít Đức tàn sát nhẫn tâm, vào năm 1949, Liên đoàn Phụ nữ dân chủ quốc tế đã quyết định chọn ngày 1/6 hàng năm làm ngày quốc tế bảo vệ thiếu nhi. Họ yêu cầu Chính phủ các nước phải chịu một phần trách nhiệm về đời sống của thiếu nhi, buộc phải giảm ngân sách cho quân sự để có thể tăng ngân sách để bảo vệ, giáo dục và chăm sóc các thiếu niên, nhi đồng. Và kể từ năm 1950 trở về sau, ngày 1/6 hàng năm đã trở thành ngày của thiếu nhi.

Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 không những có ý nghĩa đối với trẻ em mà còn mang ý nghĩa to lớn đối với những người lớn. Ngày tết thiếu nhi thể hiện rằng tất cả trẻ em trên toàn thế giới đều xứng đáng có nhận sự quan tâm, tình yêu thương từ những người xung quanh bao gồm cả gia đình và xã hội. Trẻ em cần được bảo vệ, giáo dục một cách khoa học, hợp lý để phát triển toàn diện vì các em đều sở hữu tâm hồn non nớt và ngây thơ.

Đối với những người trưởng thành, ngày quốc tế thiếu nhi như là một lời nhắc nhở tất cả mọi người về trách nhiệm phải bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ tốt hơn. Người lớn cần phải đấu tranh hết mình để bảo vệ trẻ em trước những vấn đề bạo hành hay ấu dâm mà cả xã hội đang lên án và pháp luật phải trừng trị thật nghiêm khắc.

## **25. MƯỜI CHÍN THÁNG TÁM (19/8)**

Là ngày cách mạng tháng tám thành công. Đầu tháng 8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc. Ngày 16/8/1945 Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã khai mạc tại Tân Trào (Tuyên Quang). Đại hội đã ủng hộ chủ trương tổng khởi nghĩa, Đảng quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Tại Hà Nội, Ủy ban khởi nghĩa quyết định khởi nghĩa giành chính quyền vào ngày 19/8/1945. Sáng 19/8, hàng chục vạn nhân dân tập trung tại Nhà hát lớn. Đúng 11 giờ ngày 19/8, Ủy ban khởi nghĩa đọc lời kêu gọi khởi nghĩa. Sau đó cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu tình vũ trang giành chính quyền, quần chúng cách mạng với sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu lần lượt chiếm các cơ

quan đầu não của địch. Tối 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội kết thúc hoàn toàn thắng lợi.

## **26. NAM BỘ KHÁNG CHIẾN**

Ngày 23/9/1945, ngày Nam Bộ kháng chiến - mở đầu cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược.

Chỉ sau 21 ngày nước nhà được độc lập, thực dân Pháp đã âm mưu xâm chiếm nước ta một lần nữa. Ngày 23/9/1945, chúng nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên, quyết chiến với thực dân xâm lược.

Sự kiện Ngày Nam Bộ kháng chiến là biểu tượng sáng ngời của lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập, tự do; là dấu son lịch sử thể hiện tinh thần quật cường, hào khí của quân và dân Nam bộ; xứng đáng với danh hiệu vẻ vang “Thành đồng tổ quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tặng.

## **27. NAM KỲ KHỞI NGHĨA**

Diễn ra vào ngày 23/11/1940, là tên cuộc nổi dậy vũ trang chống Pháp và Nhật của người dân miền Nam Việt Nam vào năm 1940, do Xứ ủy Nam Kỳ chủ trương và lãnh đạo. Năm 1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, qua năm sau nước Pháp bại trận, bị Đức quốc xã chiếm đóng. Thực dân Pháp ở Đông Dương mất liên lạc với chính quốc, lại phải đối phó với phát xít Nhật đang lăm le muốn lật đổ chúng. Trước những khó khăn ấy của đôi phương, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định chọn năm 1940 để khởi nghĩa cướp chính quyền.

Tháng 12/1940, Xứ ủy Nam Kỳ họp ở Bà Quẹo (Gia Định) quyết định rút lui cuộc khởi nghĩa để tránh tổn thất, đưa lực lượng còn lại xây dựng căn cứ U Minh và Đồng Tháp Mười. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ bị dập tắt. Có nơi cướp được chính quyền nhưng cũng có nơi bị thực dân Pháp đàn áp. Thực dân Pháp nhân cơ hội này xử bắn nhiều đồng chí cán bộ kiên trung của Đảng bị bắt từ trước khởi nghĩa, như: Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Võ Văn Tần, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Đăng Lưu... Khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra và thất bại song có ý nghĩa rất lớn, gây được tiếng vang trong và ngoài nước.

## **28. TÁM THÁNG BA (8/3)**

Ngày quốc tế phụ nữ. Ý nghĩa ngày 8/3 là một ngày mà tất cả phụ nữ được công nhận cho những thành tích của họ. Lịch sử ngày 8/3 lần đầu tiên ra đời từ các phong trào lao động vào đầu thế kỷ 20 ở Bắc Mỹ và khắp Châu Âu.

Ngày 8/3 là ngày toàn cầu để ghi nhận và tôn vinh những thành tựu xã hội, kinh tế, văn hóa và chính trị của phụ nữ và trẻ em gái. Đây cũng là thời điểm để nâng cao nhận thức về những tiến bộ đạt được trong việc đạt được bình đẳng giới và những công việc còn lại phải làm.

Kể từ những ngày đầu đó, ngày quốc tế Phụ nữ đã trở nên nổi bật và lan rộng, chạm đến phụ nữ ở mọi nơi trên thế giới. Phong trào phụ nữ quốc tế đang

phát triển đã giúp ngày quốc tế phụ nữ trở thành tâm điểm hành động, nhằm xây dựng sự hỗ trợ cho các quyền của phụ nữ và sự tham gia tích cực của họ vào nền kinh tế, chính trị, cộng đồng và trong cuộc sống hàng ngày.

Ngày quốc tế phụ nữ đầu tiên được tổ chức vào ngày 19/3/1911. Thông qua các cuộc mít tinh và biểu tình được tổ chức trên khắp châu Âu, với cuộc biểu tình đường phố lớn nhất thu hút 30.000 phụ nữ. Năm 1913, IWD được chuyển sang ngày 8 tháng 3 và được tổ chức vào ngày này kể từ đó.

Ngày nay, ngày quốc tế phụ nữ là một ngày đoàn kết, kỷ niệm, phản ánh, ủng hộ, hành động và được tổ chức ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới.

## **29. TRẦN ĐÌNH**

Bí danh của chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày 6/12/1953, tại “An toàn khu Thái Nguyên”, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Trần Đình (biệt danh trận Điện Biên Phủ).

## **30. XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH**

Là tên gọi phong trào đấu tranh của lực lượng công nhân và nông dân ở Nghệ An và Hà Tĩnh trong năm 1930 - 1931 chống lại thực dân Pháp. Tên gọi Xô Viết Nghệ Tĩnh xuất phát từ sự hình thành các “xã bộ nông” mà thường gọi là “xô viết”. Phong trào này được mở đầu bằng cuộc biểu tình ngày 01/5/1930 của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy và nông dân thuộc 5 xã ven thành phố Vinh. Từ đó đến tháng 8/1930, ở vùng Nghệ Tĩnh đã có đến 97 cuộc bãi công và biểu tình của công nhân và nông dân, trong đó đáng chú ý là cuộc bãi công kéo dài của công nhân Nhà máy diêm đã dẫn đến cuộc tổng bãi công của toàn thể công nhân khu công nghiệp Bến Thủy. Xô Viết Nghệ Tĩnh được xem như một cuộc tổng diễn tập đầu tiên cho cuộc Cách mạng tháng tám thành công khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## **IV. BỔ SUNG VÀO MỤC V. TÊN DANH NHÂN THUỘC NGÂN HÀNG (CƠ SỞ DỮ LIỆU) TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3136/QĐ-UBND NGÀY 13/11/2018 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

### **V.1. DANH NHÂN ĐẤT NƯỚC**

**291. BÙI QUANG THẬN** (1948 - 2012), người đầu tiên cầm lá cờ chiến thắng của quân giải phóng miền Nam Việt Nam trên nóc Dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975. Quê xã Thụy Xuân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; nhập ngũ 1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1968); đại tá (1995).

Trong kháng chiến chống Mỹ, từ năm 1966 - 1975, trưởng thành từ pháo thủ đến đại đội trưởng Đại đội 8, Tiểu đoàn 3, Trung đoàn tăng thiết giáp 202. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh là đại đội trưởng Đại đội 4, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn tăng thiết giáp 203, Quân đoàn 2 (đơn vị đảm nhận nhiệm vụ đánh chiếm dinh Độc Lập). Trưa ngày 30/4/1975 mũi đột kích tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn. Bùi Quang Thận trực tiếp chỉ huy xe tăng 843 đi đầu đội hình lao vào



Dinh Độc Lập, khi xe tăng 390 húc đổ cổng chính, lập tức Bùi Quang Thận mang cờ quân giải phóng miền Nam Việt Nam cắm trên nóc Dinh, cũng là lúc các lực lượng của lữ đoàn và quân đoàn tiến vào bắt Dương Văn Minh và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn đầu hàng.

Từ 1975 - 1999, phó tiểu đoàn trưởng rồi tiểu đoàn trưởng, lữ đoàn phó rồi lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 203, chủ nhiệm tăng thiết giáp Quân đoàn 2.

Đồng chí đã nhận được Huân chương: Chiến công (2 hạng nhất, 1 hạng nhì, 1 hạng 3), Kháng chiến hạng ba.

**292. CAO BÁ ĐẠT** (1809 - 1854): Sinh tại làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội). Ông là em song sinh với Cao Bá Quát.

Sau khi đỗ cử nhân năm 1834, ông được bổ làm Tri huyện Nông Cống (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa). Đến năm 1854, khởi nghĩa Lê Duy Lương chống Triều Nguyễn bị thất bại, Cao Bá Quát liên quan đến vụ việc nên bị giết; Cao Bá Đạt bị bắt giải về Huế, dọc đường ông tự sát (1854).

Ông giỏi về chính sự, thanh liêm, mẫn cán, được dân chúng và sĩ phu mến mộ. Dân huyện Nông Cống lập đền thờ ông.

**293. ĐẶNG TRẦN ĐỨC** (1922 - 2004). Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang.

Đặng Trần Đức sinh năm 1922 trong một gia đình công nhân nghèo ở Thanh Trì, Hà Nội (nay là phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội), bí danh Ba Quốc - 3Q, Nguyễn Văn Tá. Đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Cục trưởng Cục 12, Tổng Cục II (Bộ Quốc phòng), phụ trách lực lượng tình báo phía Nam.

Với những chiến công xuất sắc, đồng chí Đặng Trần Đức được mệnh danh là một trong những át chủ bài của lực lượng tình báo Việt Nam. Đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, Huân chương Độc lập, Huân chương Quân công, Huân chương Chiến công... và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Cuộc đời và sự nghiệp của Thiếu tướng Đặng Trần Đức trở thành nguyên mẫu, nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn học trong đó có cuốn Người thầy của Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh.

**294. ĐỖ MÙƠI** (02/02/1917 - 01/10/2018)

Đồng chí Đỗ Mười (tên khai sinh là Nguyễn Duy Cống), sinh ngày 02/02/1917; quê quán: Xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thường trú tại số nhà 11, phố Phạm Đình Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tham gia hoạt động cách mạng năm 1936; vào Đảng tháng 6/1939.

Năm 1936, đồng chí tham gia phong trào Mặt trận Bình dân.

Năm 1937, đồng chí tham gia Tổ chức Ái hữu thợ mỏ Hòn Gai.

Năm 1938, đồng chí về quê hoạt động, vào Công hội, vận động phong trào ủng hộ Liên Xô; tháng 6/1939, đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Năm 1941, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 10 năm tù, giam ở Nhà tù Hà Đông và Nhà tù Hỏa Lò, Hà Nội.

Năm 1945, Nhật đảo chính Pháp, đồng chí vượt ngục Hỏa Lò, bắt liên lạc với Đảng và tiếp tục hoạt động, được phân công về tham gia Ban khởi nghĩa Tỉnh ủy Hà Đông, phụ trách phong trào cách mạng huyện Ứng Hòa và Mỹ Đức, tham gia lãnh đạo khởi nghĩa giành chính quyền ở tỉnh Hà Đông.

Sau cách mạng tháng tám năm 1945, đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Hà Đông. Đầu năm 1946, đồng chí làm Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam. Cuối năm 1946, làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến tỉnh Nam Định.

Năm 1947 - 1949, đồng chí làm Khu ủy viên Khu III, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình, Bí thư Tỉnh ủy Hoà Bình. Năm 1950, đồng chí làm Phó Bí thư Liên Khu ủy, kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu III, Chính ủy kiêm Tư lệnh Liên khu III.

Năm 1951 - 1954, đồng chí làm Bí thư Khu ủy khu tả ngạn sông Hồng, kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính và Chính ủy Quân khu tả ngạn sông Hồng.

Năm 1955, đồng chí chỉ đạo tiếp quản khu 300 ngày, Bí thư Thành ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban Quân chính thành phố Hải Phòng. Tháng 3/1955, đồng chí được bầu bổ sung Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1956, đồng chí làm Thứ trưởng Bộ Thương nghiệp.

Năm 1958, đồng chí làm Bộ trưởng Bộ Nội thương.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960), đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội thương.

Năm 1967 - 1968, đồng chí làm Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Trưởng phái đoàn Thanh tra Chính phủ.

Năm 1969 - 1973, đồng chí làm Phó Thủ tướng kiêm Chủ nhiệm Ủy ban Kiến thiết cơ bản nhà nước. Năm 1973, đồng chí làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Phó Chủ tịch Hội đồng chi viện tiền tuyến Trung ương và chống phong tỏa cảng Hải Phòng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976), đồng chí được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ, phụ trách các khối: Xây dựng cơ bản, công nghiệp, vật tư, cải tạo công thương nghiệp và phân phối lưu thông.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), đồng chí tiếp tục được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Bộ Chính trị, giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ, phụ trách các khối: Xây dựng cơ bản, công nghiệp, vật tư.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), đồng chí tiếp tục được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Bộ Chính trị, được phân công làm Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Tháng 6/1988, đồng chí được Quốc hội bầu làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ).

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991), đồng chí tiếp tục được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Bộ Chính trị và giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Quân ủy Trung ương.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Bộ Chính trị và giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bí thư Quân ủy Trung ương.

Tháng 12/1997, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư khoá VIII, đồng chí xin thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thôi giữ chức Tổng Bí thư; được Ban Chấp hành Trung ương Đảng suy tôn làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến năm 2000.

Đồng chí là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa III, IV, V, VI, VII, VIII; Ủy viên Bộ Chính trị dự khuyết khóa IV; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa V, VI, VII, VIII; Thường trực Ban Bí thư khóa VI; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ tháng 6/1988 đến tháng 6/1991); Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ tháng 6/1991 đến tháng 12/1997). Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ năm 1997 đến năm 2000). Đại biểu Quốc hội các khóa II, IV, V, VI, VII, VIII và IX.

Do có nhiều công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

## **295. ĐỒNG SỸ NGUYỄN (01/3/1923 - 04/4/2019)**

Đồng chí Đồng Sỹ Nguyễn (tên khai sinh Nguyễn Hữu Vũ, bí danh Nguyễn Văn Đồng), sinh ngày 01/3/1923; quê quán: Xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; thường trú tại số nhà 54 đường Nguyễn Bình Khiêm, quận Hai Bà Trưng. Đồng chí tham gia hoạt động cách mạng năm 1938, được kết nạp vào Đảng tháng 12/1939.

Từ năm 1938 đến năm 1940, đồng chí tham gia các tổ chức hội quần chúng cứu quốc ở trường học, ở xã; tháng 12/1939 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương; Bí thư Chi bộ xã năm 1940.

Năm 1941, đồng chí làm Phủ ủy viên lâm thời huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Từ năm 1942 đến tháng 02/1945, đồng chí làm Ủy viên Ban cán sự tỉnh Quảng Bình phụ trách hai huyện Quảng Trạch và Tuyên Hóa. Cuối năm 1942 địch khủng bố, cơ sở bị vỡ, đồng chí sang Thái Lan và Lào tiếp tục hoạt động, gây dựng cơ sở trong Việt kiều.

Tháng 3/1945, đồng chí về nước tham gia thành lập Ban cán sự tỉnh Quảng Bình (sau là Tỉnh ủy lâm thời), lập chiến khu, chuẩn bị khởi nghĩa.

Tháng 8/1945, đồng chí được chỉ định vào Thường vụ Tỉnh ủy và làm Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh Quảng Bình.

Từ năm 1946 đến năm 1948, đồng chí làm Bí thư Huyện ủy, kiêm Chính trị viên Huyện đội, Huyện đội trưởng huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Đồng chí được cử đi học lớp Nguyễn Ái Quốc khóa I-1946. Tháng 5/1948, đồng chí làm Tỉnh ủy viên, Chính trị viên, kiêm Tỉnh đội trưởng tỉnh Quảng Bình.

Từ năm 1949 đến năm 1950, đồng chí được cử đi học lớp quân sự Bộ Tổng Tư lệnh, công tác ở Phòng Đảng vụ, Cục Chính trị.

Từ năm 1951 đến tháng 01/1954, đồng chí làm Cục phó Cục Tổ chức, Phái viên của Tổng Tư lệnh trong các chiến dịch Điện Biên Phủ, Hoàng Hoa Thám, tham gia Bộ Chỉ huy và Đảng ủy Mặt trận Trung Lào.

Từ tháng 02/1954 đến tháng 3/1956, đồng chí phụ trách công tác trao trả tù binh ở Sầm Sơn và đón tiếp bộ đội miền nam tập kết.

Từ tháng 4/1956 đến năm 1960, đồng chí lần lượt kinh qua các chức vụ Cục phó Cục Điều động dân quân, Cục trưởng Cục Động viên dân quân, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ cơ quan Bộ Tổng Tham mưu; đồng chí được phong quân hàm Đại tá năm 1958.

Từ năm 1961 đến năm 1962, đồng chí được cử đi học tại Học viện Quân sự Bắc Kinh.

Năm 1964, đồng chí làm Tổng Tham mưu phó.

Năm 1965, đồng chí làm Chính ủy Quân khu 4, Bí thư Khu ủy; Chính ủy kiêm Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam ở Mặt trận Trung Lào.

Năm 1966, đồng chí làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần phụ trách Tổng cục Tiền phương.

Từ năm 1967 đến tháng 5/1976, đồng chí đảm nhiệm các chức vụ: Tư lệnh Bộ Chỉ huy 559 kiêm Chính ủy, Bí thư Đảng ủy 559; Bí thư Ban cán sự cố vấn Đảng, quân, dân, chính, kiêm Tư lệnh Bộ đội tình nguyện ở Trung Hạ Lào.

Đồng chí được phong quân hàm Trung tướng năm 1974. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh, đồng chí tham gia cánh đường quốc lộ 1.

Tháng 6/1976, đồng chí giữ chức Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Chủ nhiệm Tổng cục Xây dựng kinh tế, Bí thư Đảng ủy Tổng cục.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976), đồng chí được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; giữ chức Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng.

Từ năm 1977 đến tháng 02/1982, đồng chí được bổ nhiệm giữ chức Bộ trưởng, Bí thư Ban cán sự đảng Bộ Xây dựng. Đầu năm 1979, chiến tranh biên giới phía bắc, đồng chí được điều trở lại quân đội làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu Thủ đô. Tháng 8/1979, đồng chí được điều trở lại công tác tại Bộ Xây dựng, giữ chức Bộ trưởng, Bí thư Ban cán sự đảng Bộ Xây dựng.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982), đồng chí được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị; được bổ nhiệm giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986), đồng chí được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị; giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Phó Thủ tướng Chính phủ).

Năm 1991, đồng chí thôi giữ chức Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, được cử làm Đặc phái viên Chính phủ thực hiện Chương trình 327 “trồng bảo vệ rừng phòng hộ”; tham gia chỉ đạo xây dựng đường Hồ Chí Minh. Đồng chí được nghỉ công tác từ tháng 10/2006.

Đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng các khóa IV, V, VI; Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị khóa V; Ủy viên Bộ Chính trị khóa VI; đại biểu Quốc hội các khóa I, VI, VII, VIII.

Do có nhiều công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, Huân chương Quân công hạng nhất, Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

**296. HOÀNG HANH** (1888 - 1963) Anh hùng lao động. Quê ở xã Xuân Lạc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông là người Công giáo và tham gia phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh.

Hoàng Hanh tham gia trồng trọt làm nông, tăng gia sản xuất với công việc trồng khoai, lúa, bông, đậu tương, vừng, lạc.... Tính theo mức bình quân thì năng suất của ông trồng trọt đều vượt mức toàn dân. Ngoài ra ông còn chăn nuôi gà, lợn, trâu, thỏ, hươu... Bên cạnh đó, ông còn có nhiều đóng góp, sáng kiến trong việc làm nông về trồng lúa có đào mương nhằm để tát nước khi hạn, đồng thời áp dụng một số biện pháp khoa học tiên bộ, ủ phân và cày lật.... về chăn nuôi.

Về gia tăng sản xuất tốt thì ông có nhiều đóng góp về lương thực, thực phẩm phục vụ trong các cuộc kháng chiến chống Pháp. Bởi vậy, anh hùng Hoàng Hanh đã được bình chọn để tham dự Đại hội chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, và tham gia Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc tại Tuyên Quang vào năm 1952. Tại đây, Hoàng Hanh được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Ông được trao huân chương và giấy chứng nhận bởi chủ tịch Hồ Chí Minh và trở thành một trong ba Anh hùng lao động đầu tiên (cùng với Ngô Gia Khảm và Trần Đại Nghĩa). Sau Đại hội thi đua, Hoàng Hanh đã truyền đạt kinh nghiệm của mình về chăn nuôi, trồng trọt cho các nông dân tại các vùng khác áp dụng theo và mang lại kết quả tốt khi đã trở thành anh hùng, ông tiếp tục đóng góp thêm nhiều sáng kiến trong ngành nông nghiệp.

**297. HỒ VĂN HUÊ** (1917 - 1976) sinh tại sở đại lý Rạch Kiến, tỉnh Chợ Lớn nay thuộc xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, trong một gia đình trung lưu làm nghề thuốc Bắc. Mẹ côì cha mẹ từ nhỏ. Sau khi tốt nghiệp trung học, Hồ Văn Huê được anh trai cho ra Hà Nội học. Năm 1938, ông thi đỗ vào Trường Đại học Y khoa Hà Nội.

Trong thời gian ở Hà Nội, Hồ Văn Huê tham gia tích cực phong trào yêu nước của học sinh sinh viên. Năm 1944, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Hồ Văn Huê về nam và làm việc tại Bệnh viện cao su Quảng Lợi, tỉnh Sông Bé.

Cách mạng tháng tám thành công, đồng chí cùng lực lượng công nhân Quản Lợi thành lập chính quyền và được bầu làm chủ tịch Sở cao su Quản Lợi.

Kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ bùng nổ, đồng chí vào chiến khu Đ phục vụ quân đội kháng chiến, ông từng lặn lội qua khắp các chiến trường miền Nam.

Tại chiến khu, đồng chí đã tập hợp được một đội ngũ y, bác sỹ, dược sỹ tên tuổi nhằm xây dựng ngành quân y phục vụ kháng chiến. Tại chiến khu miền Đông, Hồ Văn Huê tham gia thành lập Ban Quân y khu 7, sau đó ông được chính quyền kháng chiến bổ nhiệm làm Trưởng quân y vụ khu 7.

Từ năm 1947, đồng chí đã cùng với nhiều y, bác sỹ, dược sỹ khác mở phòng dược khu 7, bào chế thành công nhiều loại thuốc tân dược phục vụ cho công tác phòng, chữa các bệnh nguy hiểm như sốt rét, kiết lỵ, sâu quảng.

Năm 1954, tập kết ra Bắc, đồng chí nhận nhiệm vụ Phó cục trưởng Cục Quân y thuộc Tổng cục Hậu cần phụ trách công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ chuẩn bị cho chiến trường B. Với sự nhạy cảm “nhìn xa thấy rộng” của lãnh đạo Cục Quân y, đã nỗ lực góp công cho ngành quân y đào tạo cấp tốc hàng trăm cán bộ cấp cao y dược đáp ứng cho nhiệm vụ chiến trường B ngay trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ.

Đầu năm 1964, đồng chí được cấp trên chỉ định về lại chiến trường miền Đông Nam bộ (B2) bằng “đường Hồ Chí Minh trên biển với tàu không số” và

đầu tháng 4/1964 có mặt tại chiến trường nhận nhiệm vụ Phó Cục trưởng cục Hậu cần miền kiêm Trưởng Phòng Quân y (B2) được phong quân hàm Đại tá .

Giữ các chức vụ: Thứ trưởng bộ Y tế Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, đồng thời vẫn phụ trách Phó Cục trưởng cục Hậu cần Miền kiêm Trưởng phòng Quân y.

**298. LÃNH BINH THĂNG** (1798 - 1866), là một viên võ tướng triều Nguyễn sinh ra tại vùng Mỹ Thạnh nay thuộc huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Dưới thời vua Thiệu Trị, Nguyễn Ngọc Thăng tham gia quân đội triều đình được thăng đến chức Lãnh Binh, nên dân gian thường gọi ông là Lãnh Binh Thăng. Ông được xem là một trong những thế hệ đầu tiên ở Bến Tre tham gia vào phong trào lãnh đạo Nhân dân chống thực dân Pháp xâm lược.

Ông xuất thân trong một gia đình nông nghiệp, vào triều Tự Đức đầu quân được thăng tiến đến chức Cai cơ vào năm 1858, sau đó thăng Lãnh binh đóng quân ở Gia Định.

Năm 1859 Pháp tấn công vào cửa Cần Giờ rồi tiến chiếm Gia Định, ông được lệnh của Hộ đốc Võ Di Nguy giữ đồn Thủ Thiêm (thuộc Gia Định). Trước hỏa lực địch, lực lượng dưới quyền chỉ huy của Ông bị tổn thất nặng, ông phải rút quân về Định Tường để bảo tồn lực lượng.

Năm 1862, quân Pháp tiến chiếm Mỹ Tho, Gò Công, cánh quân của ông phải rút về Gò Công. Trước hỏa lực của địch, Ông chỉ huy quân nghĩa dũng cô thủ tử chiến đến cùng.

Ông hy sinh vào ngày 15/5/1866 ở Gò Công, sau đó di hài được đưa về an táng tại quê nhà. Hiện nay bài vị ông được thờ với vị Thành hoàng và đức Trần Hưng Đạo ở đình Nhơn Hòa, đường Cô Giang quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

### **299. LÊ ĐỨC ANH** (01/12/1920 - 22/4/2019)

Đồng chí Lê Đức Anh, sinh ngày 1/12/1920 tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế, quê quán tại xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (sau này là Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 5/1938), hoạt động trong phong trào công nhân cao su ở Lộc Ninh, Phú Riềng và các tỉnh Nam Bộ cho đến Cách mạng Tháng 8/1945.

Từ tháng 8/1945, đồng chí tham gia quân đội, giữ các chức vụ từ Trung đội trưởng đến chính trị viên Tiểu đoàn.

Từ năm 1948 đến năm 1954, đồng chí đã kinh qua nhiều chức vụ như tham mưu trưởng các Quân khu 7, 8 và Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, quyền tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Nam Bộ.

Năm 1954, đồng chí tập kết ra Bắc và từ năm 1955 đến năm 1963, là Cục phó Cục Tác chiến, Cục trưởng Cục Quân lực, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ tháng 02/1964 đến năm 1975, đồng chí trở lại Miền Nam chiến đấu trên cương vị Phó Tư lệnh Quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam, Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh, kiêm Tư lệnh cánh quân Tây Nam.

Từ tháng 5/1976 đến năm 1986, đồng chí được giao nhiều trọng trách lớn như Tư lệnh Quân khu 9, Tư lệnh kiêm Chính ủy Quân khu 7, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia, Trưởng đoàn chuyên gia Việt Nam ở Campuchia.

Năm 1986, đồng chí là Tổng Tham mưu trưởng và là Bộ trưởng Quốc phòng từ năm 1987 đến năm 1991. Đồng chí được bầu làm Chủ tịch nước từ năm 1992 đến năm 1997.

Tham gia quân đội, đồng chí được phong quân hàm Đại tá năm 1958, phong vượt cấp lên Trung tướng năm 1974. Năm 1980 là Thượng tướng và năm 1984 là Đại tướng. Đồng chí tham gia Ban Chấp hành Trung ương nhiều khóa, là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị và là cố vấn của Trung ương Đảng từ năm 1997 đến năm 2001.

Sau khi nghỉ công tác, đồng chí vẫn nghiên cứu và đề xuất nhiều ý kiến tâm huyết, có tầm chiến lược đối với Đảng và Nhà nước.

Với 99 năm tuổi đời, hơn 80 năm tuổi Đảng, Đại tướng Lê Đức Anh đã trọn đời phấn đấu, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta. Đồng chí đã được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao Vàng, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân chương, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

### **300. LÊ KHẢ PHIÊU (27/12/1931 - 7/8/2020)**

Đồng chí Lê Khả Phiêu, sinh ngày 27/12/1931; quê quán: Xã Đông Khê, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thường trú tại số nhà 7/36/C1 Lý Nam Đế, phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Tham gia hoạt động cách mạng năm 1947; vào Đảng ngày 19/6/1949.

Từ năm 1947 đến năm 1949, đồng chí dạy bình dân học vụ ở xã. Tháng 6/1949 đồng chí được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, phụ trách công tác tuyên truyền, làm Chánh Văn phòng chi bộ xã.

Từ tháng 5/1950 đến tháng 8/1954, đồng chí nhập ngũ, làm chiến sỹ, rồi đảm nhiệm các chức vụ Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội, Chính trị viên Đại đội, Trung đoàn 66, Đại đoàn 304.

Từ tháng 9/1954 đến tháng 3/1955, đồng chí học bổ túc quân chính trung cấp khoá I.

Từ tháng 3/1955 đến tháng 3/1958, đồng chí lần lượt đảm nhiệm các chức vụ Trưởng Tiểu ban Tổ chức Trung đoàn, Chính trị viên Tiểu đoàn; Phó Chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm chính trị Trung đoàn 66, Sư đoàn 304.

Tháng 4/1958, đồng chí là học viên Trường Chính trị trung cao.



Từ tháng 6/1961 đến năm 1966, đồng chí lần lượt giữ các chức vụ Phó Ban cán bộ rồi Trưởng Ban Tổ chức, Phòng Chính trị Sư đoàn 304; sau đó làm Phó Chính ủy rồi Chính ủy Trung đoàn 9, Sư đoàn 304, Quân khu Hữu Ngạn, Đảng ủy viên Sư đoàn.

Tháng 7/1967, đồng chí vào chiến trường Trị Thiên chiến đấu, làm Chính ủy Trung đoàn 9. Tháng 01/1968, Đồng chí kiêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 9.

Năm 1970, đồng chí làm Trưởng Phòng Tổ chức Quân khu Trị Thiên.

Từ tháng 10/1971 đến tháng 02/1974, đồng chí làm Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu Trị Thiên.

Tháng 3/1974, đồng chí làm Chủ nhiệm chính trị Quân khu Trị Thiên (sau là Quân đoàn 2), Đảng ủy viên Quân đoàn.

Tháng 02/1978, đồng chí làm Chủ nhiệm chính trị rồi Phó Chính ủy kiêm Chủ nhiệm chính trị Quân khu 9.

Tháng 8/1980, đồng chí làm Phó Tư lệnh về chính trị kiêm Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9, được bầu vào Thường vụ rồi Phó Bí thư Đảng ủy Quân khu.

Tháng 3/1983, đồng chí giữ chức Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9.

Tháng 4/1984, đồng chí làm Chủ nhiệm Chính trị Bộ Tư lệnh 719, đồng chí được thăng quân hàm Thiếu tướng.

Năm 1986, đồng chí làm Phó Tư lệnh về chính trị kiêm Chủ nhiệm chính trị Bộ Tư lệnh 719, làm Ủy viên rồi Phó Bí thư Ban cán sự Bộ Tư lệnh 719.

Tháng 6/1988, đồng chí được thăng quân hàm Trung tướng.

Tháng 8/1988, đồng chí làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (phụ trách khối tổ chức, cán bộ, bảo vệ).

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phân công làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương).

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba, khóa VII, đồng chí được bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Tháng 6/1992, đồng chí được thăng quân hàm Thượng tướng.

Tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII (tháng 01/1994), đồng chí được bầu vào Bộ Chính trị.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị, được cử tham gia Thường vụ Bộ Chính trị, phân công làm Thường trực Bộ Chính trị kiêm Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương.

Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư, khoá VIII (tháng 12/1997), Đồng chí được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Bí thư Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương).

Đồng chí là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng các khóa VII, VIII; Bí thư Trung ương Đảng khóa VII; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa VII, VIII; Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị khóa VIII; Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (từ tháng 12/1997 đến tháng 4/2001). Đại biểu Quốc hội các khóa IX, X.

Tháng 10/2006, đồng chí được nghỉ công tác theo chế độ.

Do có nhiều công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

**301. NGUYỄN CHÍCH** (1382 - 1449) Danh tướng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, trọng thần giữ phần đất phía nam triều Lê Sơ. Ông sinh năm 1382, quê ở thôn Mạc Xá, huyện Đông Sơn (Vạn Lộc, Đông Sơn, Thanh Hóa), nhà nghèo, mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Văn bia về ông có câu: “Người ít nói, ít cười, hiền lành, trung thực, có chí lớn”.

Giặc Minh xâm lược, ông tổ chức khởi nghĩa, thời gian đầu, căn cứ tập hợp là quê nhà, thống lĩnh Đông Sơn, giặc không dám đến cướp phá. Nghĩa quân Nguyễn Chích còn đánh tan đạo quân địch của ngụy quan Lương Nhữ Hốt ở Cổ Vo. Sau ông chuyển căn cứ lên vùng núi Hoàng Nghiêu giáp giới giữa Đông Sơn, Nông Cống (đều thuộc Thanh Hóa). Ông dựa vào thế núi sông hiểm yếu, xây thêm thành lũy, mở rộng lực lượng khắp vùng Nam Thanh Hóa và Bắc Nghệ An.

Cuối năm 1420, ông đem toàn bộ lực lượng gia nhập nghĩa quân Lam Sơn. Năm 1424, giặc Minh bao vây Lam Sơn. Ông đề nghị kế hoạch “chuyển căn cứ vào Nghệ An, lấy đó làm đất đứng chân rồi sau đó đánh ra Đông Đô”. Kế hoạch của ông được Lê Lợi và bộ chỉ huy chấp nhận. Năm 1426, 1427 ông tham gia trận bao vây dụ hàng thành Điều Diêu (Gia Lâm, Hà Nội), Thị Cầu (Bắc Ninh). Cuối năm 1427, ông cùng Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả đánh tan đạo viện binh của giặc do Mộc Thạnh chỉ huy ở ải Lê Hoa (Hà Giang). Năm 1432, ông tham gia đánh dẹp cuộc nổi dậy của Đèo Cát Hãn, Cầm Quý. Trong những năm 1444 - 1446, ông làm đồng tổng quản Tân Bình, Thuận Hóa, nhiều lần đánh tan quân Chiêm Thành.

Ông mất vào đầu năm 1449, được truy tặng Nhập nội tư không bình chương sự, thụy là Trinh Vũ. Đời Hồng Đức được truy phong Thái bảo Hiến quận công. Năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), ông được phong Bảo chính công thần, Nhập nội thiếu úy.

**302. NGUYỄN CÔNG TẠ** (1935 - 2014)

Đồng chí Nguyễn Công Tạn, sinh ngày 06/2/1935. Quê quán: Xã Thái Sơn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đồng chí tham gia công tác từ năm 1958, vào Đảng tháng 02/1960.

Từ năm 1958 - 1960: Sau khi tốt nghiệp đại học tại Trung Quốc, đồng chí về công tác tại Vụ Trồng trọt, Bộ Nông lâm.

Từ năm 1960 - 1964: Đồng chí là cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn học viện Nông lâm, Bí thư chi bộ, Phó Bí thư liên chi ủy; được bầu Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam (năm 1961).

Từ năm 1964 - 1966: Đồng chí học sau đại học tại Trung Quốc, làm Trưởng đoàn lưu học sinh Việt Nam, Bí thư chi bộ.

Từ năm 1966 - 1970: Đồng chí làm Trưởng đoàn chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp tại tỉnh Hòa Bình; Phó Bí thư Đảng ủy, Phó trưởng Ty Nông nghiệp Hòa Bình.

Từ năm 1971: Đồng chí là Phó Giám đốc rồi Giám đốc, Phó Bí thư Đảng ủy Khu kinh tế Thanh niên Vĩnh Phú.

Từ năm 1977: Đồng chí làm Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Cây trồng, Bộ Nông nghiệp; Phó Bí thư Đảng ủy Tổng cục.

Từ năm 1978 - 1983: Đồng chí là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp.

Từ tháng 6/1983: Đồng chí là Ủy viên Thường vụ Thành ủy khóa IX, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội; tháng 10/1986, đồng chí được bầu làm Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội khóa X.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991), đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bí thư Ban cán sự đảng Bộ; từ tháng 10/1995, Đồng chí giữ chức Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bí thư Ban cán sự đảng Bộ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 9/1997: Tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X, đồng chí được bầu làm Phó Thủ tướng Chính phủ.

Đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa VIII và khóa X. Từ tháng 02/2004, đồng chí được nghỉ hưu theo chế độ.

Với công lao đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng chí đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, Huân chương Lao động hạng Hai

của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

### **303. NGUYỄN KHÁNH (31/3/1928 - 19/7/2023)**

Đồng chí Nguyễn Khánh (tên khai sinh là Nguyễn Ngọc Khánh), sinh ngày 31/3/1928; quê quán: Xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội); thường trú tại số 63, Trần Quang Diệu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Tham gia hoạt động cách mạng tháng 8/1945; vào Đảng ngày 20/02/1947.

Từ tháng 8/1945, đồng chí là cán bộ tuyên truyền Tỉnh bộ Việt Minh và Ty Thông tin tuyên truyền tỉnh Thái Nguyên, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 02/1947.

Từ tháng 02/1947, đồng chí là Chánh Văn phòng Sở Thông tin Khu I.

Từ tháng 5/1948, đồng chí là Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh bộ Việt Minh, Ủy viên Đảng đoàn Mặt trận Việt Minh, Liên Việt tỉnh Thái Nguyên.

Từ tháng 12/1950, đồng chí là Bí thư Đảng đoàn thanh niên tỉnh, Bí thư Tỉnh đoàn thanh niên cứu quốc tỉnh Thái Nguyên.

Từ tháng 11/1955, đồng chí là cán bộ Văn phòng Khu ủy Việt Bắc.

Từ tháng 7/1959, đồng chí là Phó Bí thư Khu đoàn thanh niên lao động khu Việt Bắc.

Từ tháng 01/1960, đồng chí học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

Từ tháng 9/1961, đồng chí học lý luận chính trị ở Liên Xô, nghiên cứu sinh triết học tại Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô.

Từ tháng 4/1964, đồng chí công tác ở bộ phận chuẩn bị lập ban nghiên cứu lý luận Trung ương.

Từ tháng 4/1965, đồng chí là cán bộ nghiên cứu Văn phòng Trung ương Đảng. Từ năm 1968, Ủy viên Thường vụ, Phó Bí thư Đảng ủy cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng.

Từ tháng 7/1976, đồng chí làm Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng. Từ tháng 01/1980, Bí thư Đảng ủy cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) của Đảng, đồng chí được bầu là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau đó được cử làm Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12/1986) của Đảng, đồng chí được bầu là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Từ tháng 02/1987, đồng chí là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Bộ trưởng.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991), đồng chí được bầu lại là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tháng 3/2003, đồng chí được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu, hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Đồng chí là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V, Ủy viên Trung ương Đảng các khóa VI, VII; Bí thư Trung ương Đảng khóa VI; đại biểu Quốc hội các khóa VIII, IX, X.

Do có nhiều công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh; Huy hiệu 75 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác.

**304. NGUYỄN QUỐC TRỊ** (1921 - 1967) quê ở làng Phượng Kỳ, nay thuộc xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Từ năm 1939, ông tham gia hoạt động trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Năm 1940 khi tham gia tuyên truyền chống bắt phu trên tuyến đường Cửa Rào - Mùong Xén, ông bị bắt và chịu án tù khổ sai. Nhật hắt cẳng Pháp, ông cùng bạn tù phá ngục trở về địa phương xung phong vào đội tự vệ tiên phong chống Nhật.

Cách mạng tháng tám thành công, Nguyễn Quốc Trị nhập ngũ, từ tháng 12/1946 đến tháng 01/1947, ông đã tham dự nhiều trận đánh ở Vinh, Huế, Đông Hà, cùng đồng đội diệt hàng trăm tên giặc. Khi Đại đoàn quân tiên phong (Đại đoàn 308) được thành lập, Nguyễn Quốc Trị được điều về chiến đấu trong đội hình đại đoàn.

Trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ đại đội, ông đã tham gia chiến đấu và chỉ huy chiến đấu nhiều trận, trong nhiều chiến dịch lớn, trận nào cũng thể hiện tinh thần dũng cảm, mưu trí, táo bạo, chỉ huy linh hoạt, kiên quyết, cùng đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Từ những chiến công liên tục trên các chiến trường, sự quả cảm, sáng tạo trong những trận đánh nên ông được Đại tướng Võ Nguyên Giáp tặng cho biệt danh “Vững như đồng - Nhanh như sóc”. Trong Đại hội toàn quốc Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu ngày 19/5/1952 tại chiến khu Việt Bắc, Nguyễn Quốc Trị được phong tặng danh hiệu Anh hùng quân đội lần đầu tiên cùng với 4 anh hùng khác: Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Ngô Gia Khảm, Nguyễn Văn Song.

Đặc biệt, tại buổi lễ chào cờ lịch sử ở kỳ đài thủ đô Hà Nội ngày 10/10/1954, Nguyễn Quốc Trị được vinh dự được kéo quốc kỳ, lúc này, ông là Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thủ đô thuộc Đại đoàn quân tiên phong về tiếp quản Hà Nội.

Tháng 3/1962 sau khi tốt nghiệp khóa đào tạo sĩ quan cao cấp tại Trung Quốc, Nguyễn Quốc Trị đã xung phong về công tác và chiến đấu tại quê hương. Ngày 16/8/1967, thượng tá Nguyễn Quốc Trị - Hiệu trưởng trường Quân chính

Quân khu 4 đã ngã xuống trên mảnh đất quê trong một lần ra thăm, đồng viên bộ đội trận địa pháo cao xạ trước làng Phương Kỹ.

**305. NGUYỄN THỊ CHIÊN** (1930 - 2016), sinh năm 1930 trong một gia đình cố nông tại xóm Trại Đồng, xã Tân Thuật (nay là thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình). Nhập ngũ năm 1952. Vào Đảng cộng sản Việt Nam năm 1948.

Trong kháng chiến chống Pháp, từ năm 1946 đến năm 1952, đồng chí tham gia xây dựng cơ sở kháng chiến ở 5 thôn, xây dựng và chỉ huy Đội du kích xã Tân Thuật đánh địch chống càn, phá giao thông đường 39, phá tề, diệt và bắt nhiều địch. Đồng chí đã diệt, làm bị thương và bắt 15 địch. Tháng 4/1950, khi đưa cán bộ về hoạt động tại xã, đồng chí bị địch bắt, dụ dỗ, tra tấn suốt 3 tháng rưỡi vẫn kiên trung bất khuất. Tháng 10/1951, trong trận phục kích đánh địch trên đường 39, đồng chí bắn bị thương 1 tên địch, bắt sống 6 tên địch, thu 4 súng. Tháng 12/1951, khi địch lùng sục vào làng, đồng chí chỉ huy du kích bắt ngờ xông ra bắt sống 4 địch có một tên Trung úy.

Đồng chí được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, 02 Huân chương Kháng chiến hạng Nhất. Năm 1952, Nguyễn Thị Chiên vinh dự là đại biểu nữ du kích duy nhất được chọn đi báo cáo điển hình tại Đại hội toàn quốc các chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu lần thứ nhất tổ chức tại Việt Bắc (từ 30/4 đến 06/5/1952). Tại Đại hội, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng một khẩu súng lục. Kết thúc Đại hội, nữ chiến sĩ du kích Nguyễn Thị Chiên đã được phong tặng danh hiệu Anh hùng quân đội, khi ấy bà mới 22 tuổi.

Sau Đại hội, Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được cử tham gia đoàn đại biểu đi dự Đại hội Hòa bình châu Á - Thái Bình Dương tại Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại hội Hòa bình thế giới tại Viên (Áo) do đồng chí Xuân Thủy làm trưởng đoàn. Năm 1953, Nguyễn Thị Chiên chính thức được gia nhập quân đội và về công tác tại Tổng cục Chính trị và Quân khu thủ đô, được phong quân hàm Trung tá năm 1984.

**306. NGUYỄN VĂN MINH** (1933 - 2009): Ông sinh năm 1933, tại Hưng Yên, trong một gia đình thợ thủ công. Lớn lên, ông vào Sài Gòn làm công nhân và tham gia hoạt động bí mật trong Mặt trận Liên Việt.

Năm 1959, ông được Quận ủy Thủ Đức cử làm nhiệm vụ lọt vào quân đội ngụy quyền Sài Gòn. Năm 1963, lợi dụng sự kiện chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm bị lật đổ, các phe phái ngụy quân, ngụy quyền chèn ép nhau để tranh quyền, đoạt lợi, ông tìm cách vào được hàng ngũ kẻ thù với chức danh nhân viên văn thư của Văn phòng Tổng tham mưu trưởng Nguyễn Hữu Cồ.

Không lâu sau đó, Nguyễn Cao Kỳ lật đổ Nguyễn Hữu Cồ nhưng với vỏ bọc là một nhân viên quân sự mẫn cán, tận tụy với công việc, được nhiều người quý mến nên ông được tiếp tục tin dùng. Từ đó, ông trở thành một trong 4 nhân viên văn thư bảo mật của Văn phòng Tổng tham mưu trưởng. Công việc hằng ngày của ông là tiếp nhận và lưu trữ công văn đi, đến giữa Văn phòng tổng tham

muu trường với các cơ quan, đơn vị trong quân đội nguy, đặc biệt là trao đổi công văn với Phủ Tổng thống, với các cơ quan Bộ Quốc phòng, các quân đoàn, quân khu. Công việc này tạo cơ hội cho ông tiếp cận nhiều tài liệu tối mật của địch. Chính vì đặc thù công việc nên ông luôn bị các cơ quan mật vụ, an ninh của địch để ý, theo dõi. Để tránh bị lộ và che mắt kẻ thù, ông khéo léo nhận về mình nhiều phần việc nhưng không sao chụp tài liệu mà rèn luyện ghi nhớ toàn bộ các công văn được tiếp cận hằng ngày. Đến đêm, ông thức trắng để viết lại nội dung công văn trong ngày, chuyển ra ngoài cho tổ chức. Các ý đồ lớn của địch, như kế hoạch bình định nông thôn, kế hoạch lấn chiếm, xóa các vùng giải phóng... đều được ông báo cáo chính xác.

Đầu năm 1975, ông đã báo cáo về căn cứ một tin quan trọng có tính quyết định là Mỹ không đưa quân trở lại nếu ta đánh lớn vào giải phóng Sài Gòn. Thông tin này đã giúp Bộ Chính trị có thêm cơ sở quyết định mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 trong thời gian ngắn nhất để giải phóng miền Nam, góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân giành thắng lợi trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đặc biệt, trong ngày 30/4/1975, khi quân giải phóng đánh chiếm Bộ Tổng tham mưu nguy, chính ông đã động viên các viên chức trong văn phòng của tướng Cao Văn Viên gìn giữ, niêm phong kho tàng, hồ sơ, bảo toàn tài liệu, máy móc trong văn phòng để bàn giao cho quân giải phóng.

Với hơn 20 năm sống trong lòng địch, 16 năm sống trong sào huyệt của Quân đội Việt Nam Cộng hòa, Đại tá, Anh hùng lực lượng vũ trang Nguyễn Văn Minh, người mang bí số H3 của Phòng Tình báo B2, đã thể hiện bản lĩnh kiên cường và mưu trí siêu việt. Giữa “biển giáo, rừng gươm”, một mình hoạt động đơn tuyến, ông đã tạo nên “tâm bình phong” an toàn ngay giữa sào huyệt của địch để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà cách mạng giao phó.

Đại tá Nguyễn Văn Minh - H3 - đã trở thành một trong những điệp viên huyền thoại, khiến kẻ thù kinh ngạc về bản lĩnh, trí tuệ và “tinh thần thép” của ông. Năm 1999, ông được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**307. NGUYỄN VĂN SONG (1923 - 2005):** Ông sinh tại làng Vĩnh Hòa, tổng Bình Phú, quận Trường An, tỉnh Thủ Dầu Một (nay thuộc phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương). Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược miền Nam (tháng 9/1945), ông xung phong vào đội quân cảm tử của địa phương. Trong quá trình tham gia cách mạng ở địa phương, ông đã góp phần to lớn trong phong trào đấu tranh du kích và là một trong những cá nhân tiêu biểu điển hình được bầu chọn là chiến sỹ thi đua xuất sắc của tỉnh Thủ Biên, của miền Đông Nam bộ và của miền Nam.

Ngày 19/5/1952, tại Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sỹ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, ông được Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng Huân chương quân công hạng Ba và tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

**308. PASTEUR (1822 - 1895):** Louis Pasteur là nhà hóa học, nhà vi sinh vật học, nhà bác học lừng danh của nước Pháp và cả thế giới, sinh tại thành phố Dole tỉnh Jura ở phía Đông nước Pháp, người có bước đột phá qua những nghiên cứu quan trọng về các nguyên nhân và biện pháp chữa bệnh, với những phát hiện về các nguyên tắc của tiêm chủng, lên men vi sinh, nghiên cứu về bệnh than, bệnh dại, cải tiến kỹ thuật y tế.

Ông là “cha đẻ ngành vi sinh vật” được UNESCO ghi vào danh sách “Ký ức thế giới” và là “vị ân nhân của nhân loại”. Ngày 14/11/1888, Viện Pasteur đầu tiên đã được thành lập tại Paris, nơi nghiên cứu và chế tạo vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm. Sau đó, các viện Pasteur lần lượt ra đời ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

**309. PHẠM NGỌC THẢO (1922 - 1965):** Phạm Ngọc Thảo sinh năm 1922 tại Sài Gòn, trong một gia đình Công giáo. Cha là Adrian Phạm Ngọc Thuận, là đại diện chủ yếu nước, mang quốc tịch Pháp. Thuở nhỏ, Phạm Ngọc Thảo học Trường tư thục Công giáo ở Sài Gòn, sau đó học Trường Cao đẳng Công chánh ở Hà Nội.

Ông còn được gọi là Albert Thảo, là một cán bộ tình báo của quân đội nhân dân Việt Nam. Ông hoạt động dưới vỏ bọc là một sĩ quan cao cấp trong quân lực Việt Nam cộng hòa cũng như là một chính khách có ảnh hưởng lớn trong chính quyền Sài Gòn thời đó. Ông cũng là một thành viên chủ chốt trong 2 cuộc đảo chính ở Việt Nam cộng hòa vào những năm 1964 - 1965. Ông mang quân hàm Đại tá của cả hai quân đội đối nghịch trong chiến tranh Việt Nam là quân đội nhân dân Việt Nam và quân lực Việt Nam cộng hòa.

Năm 1946, ông cùng với 12 người Nam bộ khác được chọn ra Sơn Tây học lớp cán bộ tình báo khóa đầu tiên tại Trường Võ Bị Trần Quốc Tuấn (nay là Trường Trường Sĩ quan Lục quân I). Cuối năm 1947, được cấp trên giao làm Trưởng phòng Mật vụ Nam bộ (cơ quan tình báo của ta). Đây tổ chức đầu tiên của quân đội ta ở Nam bộ. Với tinh thần trách nhiệm, trong một thời gian ngắn, ông đã thống nhất được các lực lượng tình báo toàn Nam bộ. Năm 1949, ông được điều sang làm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 410 chủ lực khu 9, tiểu đoàn đã chiến đấu nhiều trận thắng lợi lớn, góp phần mở rộng vùng giải phóng.

Phạm Ngọc Thảo được đích thân Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn chỉ định ở lại miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Giơnevơ, với nhiệm vụ chiến lược là thâm nhập vào hàng ngũ cao cấp của chính quyền Sài Gòn để “phục vụ cho mục tiêu thống nhất đất nước”. Không ai biết rõ “phục vụ cho mục tiêu thống nhất đất nước” là nhiệm vụ gì, tuy nhiên theo Võ Văn Kiệt, Phạm Ngọc Thảo được quyền tùy cơ ứng biến, hoạt động độc lập, không bị bất cứ một chế định nào, không bị bắt buộc phải báo cáo với một số cấp trên cụ thể nào.

Sau một thời gian tạo vỏ bọc, Phạm Ngọc Thảo đã giành được lòng tin của chính phủ Ngô Đình Diệm, được bổ nhiệm một số chức vụ cao cấp và ông đã sử dụng quyền hạn của mình để phục vụ cho nhiệm vụ tình báo mình được giao. Trong thời gian được cử làm Tỉnh trưởng Kiến Hòa (Bến Tre), ông đã thả



2.000 tù chính trị trong đó bao gồm nhiều cán bộ cách mạng, và cố ý làm lệch hướng các cuộc tàn sát của quân đội Việt Nam Cộng hòa. Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ cuối năm 1963, Phạm Ngọc Thảo tham gia nhiều vụ đảo chính với mục đích gây mất ổn định cho chính quyền Sài Gòn và tạo điều kiện cho hoạt động của quân giải phóng. Tuy nhiên sau cuộc đảo chính bất thành vào năm 1965, ông bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa truy nã và kết án tử hình. Ông tiếp tục hoạt động bất hợp pháp một thời gian cho đến khi bị bắt, tra tấn. Cho đến lúc hy sinh (ngày 17/7/1965, lúc 43 tuổi), không ai biết ông là một chiến sỹ tình báo cộng sản.

Hình tượng Phạm Ngọc Thảo đã được nhà văn Trần Bạch Đằng sử dụng để xây dựng nhân vật Nguyễn Thành Luân trong tiểu thuyết giữa biển giáo rừng gươm, sau này được chuyển thể thành bộ phim nổi tiếng “Ván bài lật ngửa”.

Để ghi nhận những thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của ông, ngày 30/8/1995, đồng chí Phạm Ngọc Thảo được Đảng, Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; được truy phong quân hàm Đại tá và được công nhận liệt sỹ.

**310. PHẠM XUÂN ẪN** (1927 - 2006), Thiếu tướng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1976). Ông tên thật là Phạm Văn Thành, có các biệt danh: X6, Trần Văn Trung hoặc Hai Trung. Quê ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; nhập ngũ năm 1952; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1953); được phong hàm Thiếu tướng năm 1990. Khi tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là Trung tá, cán bộ tình báo thuộc Cục II, Bộ tổng tham mưu (nay là Tổng cục II, Bộ Quốc phòng).

Dưới vỏ bọc là phóng viên tuần báo Time của Mỹ và danh nghĩa là “người của CIA”, ông có được nhiều nguồn tin tức quan trọng từ quân đội, cảnh sát và cơ quan tình báo Mỹ.

Những tin tức và phân tích tình báo chiến lược của ông được bí mật gửi cho Trung ương cục miền Nam thông qua mạng lưới H63, sau đó gửi ra Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ở Hà Nội.

Với nguồn tin thu thập ngày càng mở rộng, các bản báo cáo của ông sống động và tỉ mỉ đến mức khi nhận được, lãnh đạo ta đã nhận định: “Chúng ta đang ở trong phòng hành quân của Mỹ”. Thiếu tướng Phạm Xuân Ẩn đã gửi về căn cứ tổng cộng 498 báo cáo, tài liệu nguyên gốc được sao chụp, các thông tin thu lượm được về tình hình của Mỹ - Ngụy.

Suốt 23 năm (1952 - 1975), Phạm Xuân Ẩn hoạt động trong lòng địch, thường xuyên tiếp xúc với các quan chức cấp cao của Mỹ và chính quyền Sài Gòn; lấy được nhiều tài liệu tình báo có giá trị chiến lược phục vụ kịp thời trong từng giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mỹ của Nhân dân ta.

Ngày 15/01/1976, ông vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ông đã nhận được Huân chương:

Chiến công (1 hạng Nhất, 2 hạng Nhì, 1 hạng Ba); Độc lập hạng Nhì; Quân công hạng Ba; Chiến thắng hạng Ba.

**311. PHAN VĂN KHẢI (25/12/1933 - 17/3/2018)**

Đồng chí Phan Văn Khải, sinh ngày 25/12/1933, tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng chí tham gia cách mạng năm 1947; ngày 15/7/1959 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1947, đồng chí tham gia Đội thiếu nhi xã và làm cán bộ thiếu nhi xã Tân An Hội, huyện Hóc Môn. Năm 1948 - 1949, làm Ủy viên Ban Chấp hành thiếu nhi huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định.

Năm 1950 đến năm 1951, đồng chí làm công tác văn thư Tỉnh đoàn thanh niên tỉnh Gia Định.

Năm 1952 đến năm 1954, đồng chí làm công tác văn phòng của Mặt trận Liên Việt tỉnh Gia Định Ninh, Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Gia Định Ninh.

Tháng 10/1954, đồng chí tập kết ra Bắc.

Năm 1955 đến năm 1957, đồng chí làm công tác giảm tô đợt 7 ở Hà Nam, đợt 4 cải cách ruộng đất ở tỉnh Sơn Tây và đợt 5 cải cách ruộng đất ở Bắc Hưng Yên.

Tháng 8/1957 đến năm 1959, đồng chí học văn hóa ở Trường bồi túc công nông Trung ương.

Tháng 8/1959 đến tháng 8/1960, đồng chí học Trường Ngoại ngữ Trung ương.

Tháng 9/1960 đến tháng 6/1965, đồng chí học Đại học Kinh tế quốc dân Mát-xcơ-va, Liên Xô.

Tháng 6/1965 đến năm 1971, đồng chí làm cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Vụ Tổng hợp, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Năm 1972 đến năm 1975, đồng chí làm cán bộ nghiên cứu kinh tế miền Nam, năm 1973 vào chiến trường B2, năm 1974 đồng chí ra Hà Nội làm Vụ phó Vụ Kế hoạch chi viện, Ủy ban Thống nhất.

Năm 1976 đến năm 1978, đồng chí làm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1979 đến năm 1980, đồng chí làm Thành ủy viên, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1981 đến năm 1984, đồng chí làm Phó Bí thư Thành ủy, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982), đồng chí được bầu vào Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tại Hội

ngiht lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa V (năm 1984), đồng chí được bầu vào Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Năm 1985 đến tháng 3/1989, đồng chí làm Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tháng 4/1989 đến tháng 6/1991, đồng chí làm Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6/1991), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 7/1991, đồng chí làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; tháng 9/1992 đến tháng 8/1997 làm Phó Thủ tướng Chính phủ.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (tháng 6/1996), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tiếp tục được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị; đồng chí làm Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ.

Tháng 9/1997, đồng chí làm Thủ tướng Chính phủ; làm Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị tháng 01/1998.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4/2001), đồng chí tiếp tục được bầu lại vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Trung ương bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị, tiếp tục làm Thủ tướng Chính phủ đến tháng 7/2006.

Đồng chí được nghỉ công tác, nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/01/2008.

Đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa V, VI, VII, VIII, IX; Ủy viên Bộ Chính trị các khóa VII, VIII, IX; Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị khóa VIII; Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại biểu Quốc hội các khóa VIII, IX, X, XI.

Do có nhiều công lao và đóng góp lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng chí đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng, nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế và Huy hiệu 55 năm tuổi Đảng.

### **312. TRẦN ĐẠI QUANG (12/10/1956 - 21/9/2018)**

Đồng chí Trần Đại Quang sinh ngày 12/10/1956. Quê quán: Xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Từ tháng 7/1972 - tháng 10/1975: Học viên Trường Cảnh sát nhân dân Trung ương và Trường Cao đẳng Ngoại ngữ, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Từ tháng 10/1975 - tháng 6/1987: Cán bộ Cục Bảo vệ chính trị I, sau tách thành Cục Bảo vệ chính trị II, giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Trinh sát, Cục Bảo vệ chính trị II, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Từ tháng 6/1987 - tháng 6/1990: Trưởng phòng Tham mưu và Trưởng phòng Trinh sát, Cục Bảo vệ chính trị II, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Từ tháng 6/1990 - tháng 9/1996: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Cục trưởng Cục Tham mưu An ninh, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).

Từ tháng 9/1996 - tháng 10/2000: Cục trưởng Cục Tham mưu An ninh, Bộ Công an; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng cục An ninh, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Tổng cục An ninh, Bí thư Đảng ủy Cục Tham mưu An ninh, Bộ Công an.

Từ tháng 10/2000 - tháng 4/2006: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh, Bộ Công an; được phong cấp bậc hàm Thiếu tướng (2003); được phong học hàm Phó giáo sư (2003).

Từ tháng 4/2006 - tháng 01/2011: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an; được phong cấp bậc hàm Trung tướng (2007); được phong học hàm Giáo sư (2009).

Từ tháng 01/2011 - tháng 8/2011: Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an.

Từ tháng 8/2011 đến tháng 4/2016: Ủy viên Bộ Chính trị (khóa XI, XII), Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Ủy viên Ban Cán sự đảng Chính phủ, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an; được phong cấp bậc hàm Thượng tướng (2011), Đại tướng (2012); Trưởng Ban chỉ đạo Tây Nguyên; đại biểu Quốc hội khóa XIII; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; Phó Trưởng Tiểu ban bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

Ngày 02/4/2016, tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, được bầu làm Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **313. VŨ KHOAN** (07/10/1937 - 21/6/2023)

Đồng chí Vũ Khoan, sinh ngày 7/10/1937; quê quán: Huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

Trước năm 1955: Đồng chí làm việc tại xưởng giấy 420 Cục Quân y, rồi vào Thiếu sinh quân Trung ương; học văn hóa tại Quê Lâm, Nam Ninh, Trung Quốc; học tiếng Nga ở Mát-xcơ-va.

Năm 1955 đến năm 1956: Đồng chí công tác tại Đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô.

Năm 1956 đến năm 1958: Đồng chí công tác tại Bộ Ngoại giao.

Năm 1958 đến năm 1961: Đồng chí công tác tại Đại sứ quán Việt Nam ở Liên Xô, được phong hàm Tùy viên.

Năm 1961 đến năm 1964: Đồng chí học tại Trường Đại học quan hệ Quốc tế Moscow (MGIMO).

Năm 1964 đến năm 1968: Đồng chí tiếp tục công tác tại Bộ Ngoại giao.

Năm 1968 đến năm 1971: Đồng chí là Tùy viên rồi là Bí thư thứ ba Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô.

Năm 1971 đến năm 1977: Đồng chí là cán bộ nghiên cứu Vụ Liên Xô thuộc Bộ Ngoại giao.

Năm 1977 đến năm 1982: Đồng chí là Bí thư thứ nhất, Tham tán, Tham tán công sứ Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô; Đảng ủy viên Đảng ủy tại Liên Xô, Phó Bí thư, Bí thư Đảng ủy cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô.

Năm 1982 đến năm 1990: Đồng chí công tác tại Bộ Ngoại giao và kinh qua các chức vụ: Phó Vụ trưởng, Vụ trưởng, Trợ lý Bộ trưởng; Đảng ủy viên Đảng ủy cơ quan Bộ Ngoại giao và Đảng ủy khối đối ngoại.

Năm 1990 đến năm 2000: Đồng chí là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6/1991) và lần thứ VIII (tháng 6/1996) của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1998, Đồng chí là Thứ trưởng thường trực Bộ Ngoại giao, được Chủ tịch nước phong hàm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền.

Tháng 02/2000 đến tháng 7/2002: Đồng chí là Bộ trưởng, Bí thư Ban cán sự đảng Bộ Thương mại, Phó Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2001) của Đảng, đồng chí tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm Bí thư Trung ương Đảng, phụ trách các vấn đề về đối ngoại (cả kinh tế đối ngoại); Ủy viên Ban cán sự đảng Chính phủ (tháng 5/2001). Tháng 5/2002, đồng chí là đại biểu Quốc hội khóa XI.

Tháng 8/2002 đến tháng 6/2006: Đồng chí là Bí thư Trung ương Đảng, Ủy viên Ban cán sự đảng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ; kiêm nhiệm giữ các chức vụ: Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, Trưởng ban Chỉ đạo nhà nước về nhân quyền, Trưởng Ban chỉ đạo nhà nước về biển Đông và các hải đảo, Trưởng ban chỉ đạo nhà nước về du lịch.

Tháng 7/2006 đến tháng 12/2007: Đồng chí là đặc phái viên của Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề đối ngoại.

Tháng 01/2008, đồng chí được Đảng, Nhà nước cho nghỉ hưu, hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

Đồng chí là Ủy viên Trung ương Đảng các khóa VII, VIII, IX; Bí thư Trung ương Đảng khóa IX; Đại biểu Quốc hội khóa XI.

Sự nghiệp của đồng chí là bề dày với các cuộc thương thuyết đàm phán, khởi sự là hòa đàm Paris trong thời gian chiến tranh, sau đó vấn đề người di tản, việc Việt Nam gia nhập ASEAN và khu mậu dịch tự do của khối này, kế đến là Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ và một chặng đường dài với cuộc thương thuyết gia nhập WTO. Do có nhiều công lao và thành tích xuất sắc đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, Đồng chí được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.

**314. VŨ NGỌC NHẠ** (1928 - 2002): Thiếu tướng tình báo Vũ Ngọc Nhạ - người từng làm cố vấn cho ba tổng thống của chế độ Sài Gòn trước năm 1975 - đã trở thành huyền thoại. Những chiến công của ông khiến kẻ thù cũng phải khâm phục.

Ông tên thật là Vũ Xuân Nhã, sinh ngày 30/3/1928, tại xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, trong một gia đình nhà nho hiếu học. Với lòng yêu nước nồng nàn, ông gia nhập Mặt trận Việt Minh và được kết nạp Đảng vào năm 1947.

Năm 1952, Vũ Ngọc Nhạ mang tên Vũ Ngọc Kép, có mặt trong đoàn đại biểu quân sự tỉnh Thái Bình đi dự Hội nghị chiến tranh du kích Bắc bộ tại Việt Bắc do Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái chủ trì. Tại Hội nghị này, ông nhận nhiệm vụ quan trọng do chính Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp giao phó: “Nhiệm vụ của chú là phải bằng mọi cách để biết được Mỹ đang làm gì, Mỹ sẽ làm gì và Mỹ đã làm gì”.

Được tổ chức chỉ đạo nam tiến, với trí thông minh và sự hiểu biết sâu sắc mọi vấn đề từ quân sự, ngoại giao đến kinh tế, tôn giáo, ông đã “luôn sâu, leo cao” và trở thành cố vấn cho 3 đời tổng thống ngụy quyền Sài Gòn. Với chức danh “cố vấn cao cấp”, ông đã khai thác được nhiều tài liệu cơ mật trong Phủ Tổng thống. Ông cũng là người xây dựng cụm tình báo chiến lược nổi tiếng A22, từng làm rúng động chính trường Sài Gòn trong suốt những năm cuối của thập niên 1960.

Với mạng lưới 42 điệp báo viên, hoạt động dưới nhiều chức danh, cấp bậc từ cao tới thấp trong chính quyền ngụy Sài Gòn, ông và đồng đội đã cung cấp nhiều thông tin, tài liệu chiến lược, sách lược tuyệt mật: từ kế hoạch “Xây dựng áp chiến lược”, “Kế hoạch Stalay Taylor”... thời Diệm, đến “Kế hoạch bình định nông thôn”, “Kế hoạch Phụng Hoàng”, “Kế hoạch đồ quân của Mỹ”, “Sách lược chiến tranh đặc biệt”... thời Thiệu... để Đảng ta kịp thời có đối sách lãnh đạo đường lối đấu tranh. Với những chiến công xuất sắc, sau khi đất nước thống nhất, Thiếu tướng tình báo Vũ Ngọc Nhạ tiếp tục công tác tại Bộ Quốc phòng.

Đến năm 1987, khi cuốn tiểu thuyết “Ông cố vấn hồ sơ một điệp viên” của nhà văn Hữu Mai xuất bản, thân thế và sự nghiệp của ông mới được công chúng biết tới.

Sau năm 1975, ông được phong quân hàm Thiếu tướng. Do có nhiều công lao, ông được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương cao quý và Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

## **V.2.2. ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**19. NGUYỄN THÁI NHỰ** (1930): Quê ở xã Yên Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; nhập ngũ năm 1947. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (7/5/1956) là Đại đội trưởng bộ binh thuộc Tiêu đoàn 80, Trung đoàn 812, Khu 6 (cực Nam Trung bộ), đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Từ năm 1947 đến năm 1951, đồng chí tham gia chiến đấu hơn 60 trận ở chiến trường cực Nam Trung bộ, trận nào cũng thể hiện rõ tinh thần chiến đấu dũng cảm. Tháng 4/1947, Tiêu đoàn 80 thực hiện đánh bót Sông Lũy, đồng chí xung phong vác quả đạn 75mm bò lên đặt vào chân tường của bót rồi đốt cỏ khô gây nổ trái đạn, tạo điều kiện cho đơn vị xung phong diệt gọn bót Sông Lũy. Năm 1948, trong trận đánh ga xe lửa Suối Dầu (Phan Thiết) đồng chí dẫn đầu tiểu đội xông lên dùng lựu đạn ném vào khoang lái, diệt tên lái tàu; nhảy lên toa tàu thu 1 khẩu trung liên và bắt sống 1 quân địch. Tháng 6/1949, đồng chí chỉ huy đội quyết tử phục kích đánh xe lửa địch tại Suối Kiệt tiêu diệt trung đội địch bảo vệ, phá hủy đoàn tàu. Riêng tiểu đội đồng chí diệt 9 tên, bắt 8 tên, thu 2 trung liên và 20 khẩu súng trường. Tháng 2/1950, đồng chí chỉ huy tiểu đội quyết tử tiến công đồn Duồng. Bị thương vào ngực, đồng chí vẫn cố gắng dùng súng tiểu liên bắn chết tên lính gác, tạo điều kiện để đơn vị kịp thời xông lên, tiêu diệt gọn đồn địch. Tháng 12/1951, đồng chí chỉ huy tiểu đội quyết tử cùng đơn vị tiến công Trường sĩ quan Phan Thiết, tiêu diệt gần 100 lính địch (phần lớn là học viên sĩ quan), phá hủy nhiều vũ khí. Riêng đồng chí diệt 15 tên địch.

Tháng 01/1953, đồng chí chỉ huy đơn vị đánh lui 5 đợt tiến công của một tiểu đoàn địch, tại Hàm Thuận. Giữa lúc đang chiến đấu căng thẳng thì bị thương, đồng chí tự băng bó vết thương, tiếp tục ở lại trận địa quan sát địch, hướng dẫn và động viên anh em trong đơn vị chiến đấu chặn địch, bảo đảm cho đơn vị và Nhân dân rút lui an toàn.

Từ năm 1953 đến năm 1954, đồng chí được giao nhiệm vụ xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển phong trào chiến tranh du kích tại Bình Thuận.

Đồng chí được tặng thưởng: Huân chương Quân công hạng Ba, 02 Huân chương Chiến công (1 hạng Nhất, 1 hạng Ba); tuyên dương công trạng trong toàn quân; chiến sĩ thi đua của toàn Liên khu.

## **20. NGUYỄN HÌNH** (1902 - 1980) (Ông già đồng rơm)

Quê ở xã Hàm Liêm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Là cơ sở cách mạng trong hai cuộc kháng chiến; ông đã mưu trí, sáng tạo, trực tiếp đào hầm bí mật ngay dưới đồng rơm bên cạnh sân lúa nhà mình để cho 1 trung đội thuộc Đại đội Hoàng Hoa Thám trú quân sau các kỳ chiến dịch. Vì vậy, thực dân

Pháp coi gia đình ông là cơ sở nguy hiểm nhất của Việt Minh ở Bình Thuận, chúng đã 8 lần đưa quân đến đốt nhà, đặc biệt chúng bí mật đưa lính lên để triệt hạ gia đình ông, nhưng bọn chúng lại đến nhầm nhà ông Cửu Hai (nhà bên cạnh) giết chết 8 người bằng hình thức chặt đầu, mổ bụng ngay trước sân. Trước sự đàn áp khốc liệt, tàn bạo và man rợ của Pháp, của bọn tề điệp và Việt gian, thay vì run sợ, ông đã không nao núng, sợ sệt, lung lay ý chí mà càng quyết tâm ủng hộ cách mạng dù có phải hy sinh.

Ông đã nhiều lần bị địch bắt, giam cầm tra tấn, khủng bố với những thủ đoạn tàn bạo, dã man như gí điện làm mù đôi mắt, đánh đập, bẻ răng và những hình thức tra tấn khác để khai thác địa điểm nuôi giấu cán bộ nhưng ông vẫn kiên cường chịu đựng, một mực không khai báo. Ông là tấm gương tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng và là biểu tượng cho Nhân dân vùng Tam giác kiên cường (“Khu Lê bát khuất”, “Tam giác kiên cường”, “Nam Sơn trung dũng”) mà lịch sử Đảng bộ tỉnh đã ghi lại.

Trong kháng chiến chống Mỹ, ông lại sử dụng căn hầm này để nuôi giấu thương binh và cán bộ của ta được phân công ở lại hoạt động không đi tập kết ra miền Bắc. Nơi đây trở thành trạm giao liên của bộ đội chủ lực và lực lượng dân quân, du kích xã Hàm Liêm. Do đó, bộ đội, dân quân, du kích thường gọi ông là “Ông già đồng rơm” và cũng từ đó, “Ông già đồng rơm” trở thành biểu tượng của cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân xã Hàm Liêm và huyện Hàm Thuận.

Ông đã ủng hộ vật chất cho cách mạng: 27 xe lúa, 2 xe nếp (khoảng 20,3 tấn); thuốc chữa bệnh, quần áo, giày dép..., 20 con trâu, 5 ha ruộng để sản xuất, tự túc lương thực; vận động, thuyết phục 8 thanh niên của địa phương bị bắt học sĩ quan ở Đồng Đé, Nha Trang trốn về tham gia cách mạng và được ông nuôi giấu; quan sát, nắm bố trí của địch, giúp đơn vị 486 của tỉnh tiêu diệt chi khu quận lỵ Thiện Giáo; phục vụ đặc lực cho Tiểu đoàn bộ binh 482 đánh vào Phan Thiết trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968...

Ngày 26/4/2018, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Quyết định 632/QĐ-CTN, truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho ông Nguyễn Hình (Ông già đồng rơm).

**21. KOSTAS SARATIDIS NGUYỄN VĂN LẬP (1927 - 2021):** Người gốc Hy Lạp, bị bắt tham gia quân đội viễn chinh Pháp sang Việt Nam với danh nghĩa đồng minh giải giáp quân đội phát xít Nhật (02/1946). Nhận thức rõ bộ mặt thật và tội ác của thực dân Pháp đối với Nhân dân Việt Nam, tháng 6/1946, tại Bình Thuận ông tìm cách móc nối và gia nhập hàng ngũ Việt Minh.

Trong kháng chiến chống Pháp, ông được giao làm công tác địch vận ở chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, tổng giám thị trại tù binh Âu Phi số 3 ở Quảng Ngãi và tham gia chiến đấu trong các đơn vị chủ lực của Liên khu 5, lập được nhiều chiến công xuất sắc, được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1949. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, ông tập kết ra Bắc, tích cực tham gia lao động sản xuất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, công tác tại mỏ than (Lạng Sơn), mỏ thiếc (Cao Bằng), nhà máy in Tiến Bộ (Hà Nội), luôn hoàn



thành xuất sắc nhiệm vụ. Năm 1958, ông kết hôn với một người phụ nữ Hà Nội và sinh được bốn người con, một trai, ba gái. Năm 1965, gia đình ông chuyển về Hy Lạp sinh sống, song vẫn luôn hướng về Việt Nam với nhiều việc làm thiết thực như: Thành lập Hội Việt kiều yêu nước ở Hy Lạp; vận động quyên góp Quỹ ủng hộ đồng bào bị lũ lụt; Quỹ nạn nhân chất độc da cam; Quỹ trái tim cho em và các hoạt động có ý nghĩa khác góp phần xây dựng tình hữu nghị Hy Lạp - Việt Nam.

Ghi nhận những công hiến và thành tích xuất sắc trong chiến đấu, công tác, tình cảm trong sáng, thủy chung trước sau như một đối với dân tộc Việt Nam, thể hiện tinh thần cao cả của người chiến sỹ quốc tế trong quân đội nhân dân Việt Nam, đồng chí Kostas Nguyễn Văn Lập đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất (1955); Huân chương Hữu nghị (2010); được công nhận quốc tịch Việt Nam (2010) và phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (2013).

**22. HUỖNH ANH** (1913 - 2006) (tức Vũ Huỳnh, Chín Huỳnh): Quê quán xã Điện An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, tham gia cách mạng năm 1945. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là Giám đốc Công an tỉnh Thuận Hải.

Quá trình công tác và chiến đấu, đồng chí đã kinh qua nhiều vị trí công tác khác nhau và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Từ năm 1945 đến năm 1947, giữ chức vụ Trưởng phòng Trinh sát, Ty Công an Quảng Nam; từ năm 1947 đến năm 1948, giữ chức vụ Trưởng Công an huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; từ năm 1948 đến năm 1951, giữ chức vụ Trưởng ty Công an Quảng Ngãi; từ năm 1951 đến năm 1952, giữ chức vụ Trưởng phòng Bảo vệ chính trị, Công an Liên khu V; từ năm 1964 đến năm 1971, giữ chức vụ Trưởng ban An ninh khu 10; tháng 5/1975, giữ chức vụ Trưởng ban An ninh khu 6 và đến năm 1976 giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Thuận Hải.

Qua 40 năm tham gia cách mạng và công tác trong ngành Công an, đồng chí đã được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương quý giá như: Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Quân công hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng...

Ngày 06/10/2009, đồng chí được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**23. PHƯƠNG VĂN HẪN** (1932-1970) (tức Dũng Bắc): Quê quán xã Tân Phong, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là cán bộ trinh sát Công an tỉnh Vĩnh Phúc được Bộ Công an chỉ viện cho Công an tỉnh Bình Thuận.

Quá trình công tác và chiến đấu, đồng chí đã nêu gương sáng về lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tận tụy, dám đối mặt với gian khổ, hiểm nguy và sẵn sàng hi sinh; mưu trí, gan dạ và quả cảm trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng chí

đã xây dựng và sử dụng mạng lưới cơ sở xuất sắc, phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, hoạch định đường lối đấu tranh của cấp ủy Đảng tại chiến trường khu VI và Bình Thuận. Ngày 03/4/1970, trong một chuyến đi công tác từ xã Hàm Liêm về, đồng chí bị pháo địch bắn trúng, bị thương rất nặng và hy sinh.

Ngày 26/01/2018, đồng chí được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**24. NGUYỄN CƯỢC** (1936 - 1972): Sinh năm 1936, quê quán thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, tham gia cách mạng năm 1959. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là Đội trưởng Trinh sát vũ trang, Ban An ninh huyện Hòa Đa, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình công tác và chiến đấu, đồng chí đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, lập được nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đồng chí là tấm gương sáng về lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, dũng cảm, sẵn sàng đối mặt gian khổ, hiểm nguy. Đêm ngày 25/11/1972 đồng chí Nguyễn Cược cùng 02 trinh sát đột nhập vào ấp Lâm Lộc tiêu diệt 01 tên cảnh sát ác ôn và 02 tên bình định nông thôn, thu 02 khẩu súng, 03 quả lựu đạn, 01 radio. Trên đường rút ra vùng căn cứ, đội công tác của đồng chí Nguyễn Cược bị địch bao vây, đồng chí bị thương nặng nhưng vẫn cố sức chống trả các đợt tấn công của địch diệt thêm 01 lính nguy; khi súng của đồng chí hết đạn địch tập trung hỏa lực bắn dữ dội, đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Ngày 22/7/1998, đồng chí được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**25. NGUYỄN THANH GĂNG** (1938 - 1969): Sinh năm 1938, quê quán xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, tham gia cách mạng năm 1965. Khi được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là Đội trưởng Công an vũ trang huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình công tác và chiến đấu, đồng chí đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, lập được nhiều thành tích xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đồng chí đã thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tận tụy với công việc, không ngại khó khăn, gian khổ, hiểm nguy. Tháng 5/1969, trong quá trình đi công tác tại thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đồng chí bị địch phục kích, đã chiến đấu và hy sinh.

Ngày 22/7/1998, đồng chí được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

### **V.2.3. NHỮNG DANH NHÂN TIÊU BIỂU TRÊN QUÊ HƯƠNG BÌNH THUẬN**

**21. HỒ TÁ BANG** (1875 - 1943) là một nhà cải cách duy tân Việt Nam thời cận đại và là một trong sáu thành viên sáng lập trường Dục Thanh và công ty Liên Thành hồi đầu thế kỷ XX.

Ông sinh năm Ất Hợi (1875) tại làng Kế Môn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên (nay là huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Sau ông dời vào cư ngụ ở Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (nay là thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận). Thời niên thiếu ông theo học chữ Hán và chữ Quốc ngữ nhưng không đi thi. Năm Mậu Tuất (1898), ông làm ký lục tại Tòa sứ Phan Thiết; sau đổi về làm ở Tòa sứ Hội An.

Khoảng năm Ất Tỵ (1905), trên đường vào Nam làm cuộc vận động duy tân, Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng có đến ngụ tại “Ngọa du sào” của Nguyễn Thông (khi ấy đã mất) ở Phan Thiết. Do chịu ảnh hưởng tư tưởng của nhà duy tân Nguyễn Lộ Trạch từ lúc còn ở quê nhà, nên sau khi gặp gỡ ba nhà yêu nước ấy, Hồ Tá Bang liền hăng hái tham gia. Sau đó, ông cùng với Nguyễn Trọng Lợi, Nguyễn Quý Anh (em ông Lợi, và cả hai đều là con của Nguyễn Thông), Nguyễn Hiệt Chi, Trần Lệ Chất, Ngô Văn Nhượng thành lập:

- Liên Thành thư xã: Truyền bá các sách báo có nội dung yêu nước, được thành lập năm 1905.

- Liên Thành thương quán (tức công ty Liên Thành): Làm kinh tế gây quỹ hoạt động, đồng thời tạo công ăn việc làm cho nhân dân, được thành lập năm 1906.

- Dục Thanh học hiệu (tức trường Dục Thanh): Dạy cho con em người yêu nước và lao động nghèo theo nội dung yêu nước và tiên bộ, được thành lập năm 1907.

Khoảng tháng 8 năm 1910, Hồ Tá Bang cùng Trương Gia Mô đưa con của bạn (Nguyễn Sinh Sắc) là Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) vào Sài Gòn tìm đường sang Pháp.

Năm 1911, Nguyễn Trọng Lợi qua đời, Hồ Tá Bang thay thế ở chức vụ Tổng lý (tức Giám đốc) công ty Liên Thành. Ông đã khéo léo xoay xở để đưa công ty vượt qua quãng thời gian khó khăn, lúc phong trào Duy Tân bị đàn áp và công ty bị liên tục gây khó dễ.

Năm 1917, Nguyễn Quý Anh được bầu làm Tổng lý, Hồ Tá Bang đảm nhiệm Nghị trưởng (Chủ tịch Hội đồng Quản trị) và chính thức dời Tổng cuộc vào Chợ Lớn để phát triển việc kinh doanh.

Tư cách và đức độ của Hồ Tá Bang được nhân dân và sĩ phu kính trọng. Sinh thời, ông có sáng tác văn chương. Thơ văn ông thấm đượm tinh thần yêu nước, tiêu biểu là bài “Té thủ tiền lỗ văn” (văn tế bọn bo bo giữ tiền) đăng trên báo Lục tinh tân văn số ngày 24/3/1908 ở Sài Gòn.

Năm Quý Mùi (1943), Hồ Tá Bang mất, thọ 68 tuổi, được an táng tại đôn điền của ông cách thị xã Phan Thiết (nay là thành phố Phan Thiết) hơn 10 km.

**22. LÊ THỨ** (1918 - 1989), quê ở Thôn Phú Sen, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (nay thuộc xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

Từ năm 1945 đồng chí tham gia phong trào cách mạng tại Chiến khu Đồng Bò - là căn cứ địa cách mạng của quân dân Khánh Hòa từ năm 1945 đến năm 1975, Chiến khu Đồng Bò còn được gọi là “Mặt khu Đá Hang”.

Năm 1946 đến năm 1953, đồng chí làm Bí thư Chi bộ xã và cán bộ của Chiến Khu Đồng Bò, sau đó, làm Huyện ủy viên, Thường vụ Huyện ủy huyện Tuy Hòa, rồi Tỉnh ủy viên tỉnh Phú Yên, Bí thư Huyện ủy Tuy Hòa.

Năm 1953 đến năm 1963, đồng chí tham gia phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất ở Việt Bắc và Hà Tĩnh, tham gia lãnh đạo sản xuất ở Chí Linh và Đông Triều, làm Tỉnh ủy viên tỉnh Hải Dương, Thường vụ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Quyền Chủ tịch tỉnh Hải Dương.

Năm 1964 đến năm 1967, công tác tại Văn phòng Trung ương Cục.

Từ năm 1968 đến năm 1972, tháng 7-1968, Khu VI bổ sung đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc) về Tỉnh ủy Bình Thuận, làm Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận. Cơ quan Tỉnh ủy Bình Thuận về đóng ở trên đồi Gió Lạnh (Tánh Linh). Tháng 8/1969, tại Bình Tuy, cũng đã tổ chức Đại hội chính trị thành lập Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh, Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Bình Thuận có sự thay đổi, đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc) được chỉ định quyền Bí thư Tỉnh ủy.

Năm 1970, lần đầu tiên sau hơn 15 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, từ ngày 10 đến 15/7/1970 tại vùng căn cứ Sa Lôn (Di Linh) Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội Đại biểu lần thứ I (nay là lần III). Đại hội đã kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh (từ cuối 1954 đến 6/1970) và bầu ra Ban chấp hành mới gồm 17 đồng chí, do đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc) Khu ủy viên làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.

Từ năm 1973 đến 1974 đồng chí làm Khu ủy viên phụ trách công tác kinh tế. Từ năm 1975 đến tháng 02/1976 làm Thường vụ Khu ủy khu 6, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng khu 6. Từ tháng 3/1976 đến 6/1976 đồng chí làm Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Lâm Đồng. Từ 1976 đến 1980 đồng chí làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

**23. LỤC THỊ ĐẬU** (1888 - 1974) (hay còn gọi là bà Hòa Chánh): Sinh ngày 26/6/1888 tại làng Khánh Thiện (Mũi Né ngày nay), trong một gia đình nghèo phải di cư từ Chợ Lầu vào Khánh Thiện lập nghiệp bằng nghề gánh cá mươn và làm nước mắm. Bà đã sống những ngày cực kỳ khó nhọc, nghèo khổ, nhưng nhờ bản chất cần cù, chịu khó, sống tiết kiệm cộng với tài năng kinh doanh, bà đã tạo dựng sự nghiệp trở nên giàu có nhất nhì xứ Phan Thiết từ thập niên 30 đến thập niên 60 của thế kỷ XX.

Bà sở hữu rất nhiều tài sản, nhà cửa, đất đai. Tại Phan Thiết bà có hơn 100 căn nhà phố nằm trên các tuyến đường chính, khu thương mại. Tại La Gi, bà có 30 căn nhà phố ngay tại khu chợ mới. Tại Sài Gòn, bà có 25 căn nhà phố trên các tuyến đường phố chính và một xưởng cưa tại Gò Vấp. Ở làng Khánh Thiện (Mũi Né), năm 1962 bà cho xây 20 căn nhà phố lầu đầu tiên; dãy phố này có thể nói là hiện đại nhất tại Mũi Né thập niên 60 - 70. Không chỉ kinh doanh lĩnh vực đất đai, bà còn là cổ đông lớn của hãng hàng không Air Vietnam và Công ty Dentaco chuyên kinh doanh máy cày, máy kéo lớn nhất Sài Gòn. Ngoài ra, bà còn sở hữu hàng trăm mẫu đất, ruộng vườn tại các xã: Hàm Thắng, Hàm Đức, Hồng Sơn, Ma Lâm, Hàm Liêm ở huyện Hàm Thuận Bắc... Bà còn bỏ tiền ra mua đất của Chính phủ rồi khai hoang, vỡ hóa thành ruộng. Bởi vậy bà có một kho lúa rất lớn tại khu 60 Hải Thượng Lãn Ông mà người dân Phan Thiết thời đó ai cũng biết.

Với vốn của cải, tài sản mình đang có bà đã công hiến cho địa phương và làm từ thiện rất nhiều như: Mở đường, xây trường học, ủng hộ kháng chiến... Để giao thông trên tuyến đường bộ từ Phan Thiết đi Mũi Né được thuận tiện, năm 1922 bà đã đề xuất chính quyền bảo hộ để bà làm con đường xe hơi từ Phan Thiết đi Mũi Né. Năm 1942, bà xây dựng Trường trung học Hải Long rồi giao lại cho chính quyền quản lý. Nhiều thế hệ học sinh Mũi Né, giai đoạn 1942 - 1970 đều nhớ tấm bia ở sân Trường trung học Hải Long, ghi dòng chữ “Bà Lục Thị Đậu phụng cúng”. Nghĩa cử này của bà được Hoàng đế Bảo Đại ân tặng “Nhị Hạng Long Bội Tinh” và tặng bức hoành phi khắc dòng chữ “Hiếu nghĩa khả gia”. Ngoài ra, bà còn xây trường tiểu học ở Phú Hải.

Năm 1945 Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, hưởng ứng lời kêu gọi “Tuần lễ vàng” trong cả nước từ 17 - 24/9/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Bình Thuận, cùng với các bà: Dương Thị Lô, Nguyễn Thị Thềm, bà đã ủng hộ vàng cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Bà có duy nhất 01 người con nuôi tên là Lương Xuân, tham gia kháng chiến. Ông Lương Xuân là tiểu đội trưởng cảm tử đội Phan Thiết. Năm 1948, trên đường đi công tác, ông bị mật thám bắt và xử tử tại khu vực xóm Đàm (nay là Bình Hưng, Phan Thiết). Cả một đời tần tảo, làm giàu cho mình và đóng góp nhiều cho xã hội. Bà mất năm 1974, thọ 86 tuổi, được an táng trong phần mộ của gia đình tại phường Phú Hải (thành phố Phan Thiết).

**24. LÊ KHẮC THÀNH** (1924 - 2017), còn có tên là Trịnh Công Hóa, quê ở thôn Phú Sen, xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên (nay thuộc xã Hòa Định, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên). Tham gia cách mạng tháng 8/1945. Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam 15/8/1948 (chính thức). Chức vụ: Cán bộ tiên khởi nghĩa, nguyên Khu ủy viên Khu VI, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thuận Hải.

- Từ tháng 8/1945 - 5/1946: Làm Chủ nhiệm Việt Minh, tham gia HĐND xã và làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Trần Hào; từ tháng

6/1946- 1947: Thoát ly làm cán bộ nông hội huyện; Từ 1947- 7/1949: Học Trung học bình dân Nam Trung bộ; từ tháng 8/1949 - 5/1951: Vào Bình Thuận hoạt động, làm công tác thi đua, công tác văn phòng, tổ chức cán bộ, sau đó làm Ủy viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Thuận; từ tháng 6/1951- 7/1954: Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Bí thư Huyện ủy Tánh Linh; từ tháng 8/1954 - 1956: Tập kết ra miền Bắc, công tác tại Ban thống nhất Trung ương, phân công theo dõi tình hình miền Nam; từ 1956 - 8/1959: Học lớp chính đảng khóa II Trường Nguyễn Ái Quốc; từ tháng 9/1959 - 5/1961: Về lại tỉnh Bình Thuận công tác, bổ sung vào Ban Thường vụ Huyện ủy Tánh Linh - Hoài Đức làm Phó Bí thư Huyện ủy; từ tháng 6/1961- 5/1962: Bí thư Huyện ủy Tánh Linh; từ tháng 6/1962 - 5/1963: Đề bạt vào Tỉnh ủy Bình Thuận; từ tháng 6/1963 - 5/1964: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Tánh Linh; từ tháng 6/1964 - 7/1968: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, phụ trách Tuyên huấn, Dân Bình vận, Bí thư Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam (tháng 7/1965 - 1969), tỉnh Bình Thuận, Thường trực của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; từ tháng 8/1968 - 1971: Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy; Từ 1971 - 01/1972: Học Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương Cục; từ tháng 02/1972 -12/1975: Khu ủy viên Khu VI, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy; từ tháng 01/1976 - 8/1977: Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thuận Hải; từ tháng 8/1977 - 7/1978: Học Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc; từ tháng 8/1978 - 10/1979: Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Đức Linh (gồm hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức); từ tháng 11/1979 - 3/1983: Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thuận Hải; từ tháng 4/1983: Đồng chí tiếp tục công tác tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thuận Hải đến tháng 12/1987 nghỉ hưu.

Với những công lao to lớn ông đã được Đảng và Nhà nước tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Huân chương Quyết thắng hạng Nhất, Huân chương Giải phóng hạng Nhất, Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất, Huân chương Lao động hạng Nhì, Huy hiệu 70 năm tuổi Đảng.

**25. NGUYỄN QUÝ ANH** (1883 - 1938), là một nhà cải cách duy tân Việt Nam thời cận đại, và là một trong sáu thành viên sáng lập trường Dục Thanh và lãnh đạo công ty Liên Thành hồi đầu thế kỷ 20.

Ông sinh năm Quý Mùi (1883) tại Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Cha ông là danh sĩ Nguyễn Thông (1827 - 1884), quan triều Nguyễn.

Thời trẻ, ông ra học ở Quảng Nam với thầy Trần Quý Cáp. Năm 1905, ông theo Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp vào Nam cổ động phong trào Duy Tân. Khi đến Phan Thiết, ông đưa ba nhà yêu nước ấy đến ngụ tại “Ngọa du sào” của cha (lúc này Nguyễn Thông đã mất).

Sau khi gặp gỡ ba nhà yêu nước ấy, hưởng ứng phong trào, Nguyễn Trọng Lợi (anh ruột Nguyễn Quý Anh), Nguyễn Hiệt Chi, Hồ Tá Bang, Trần Lê Chất, Ngô Văn Nhượng và Nguyễn Quý Anh lần lượt thành lập:

- Liên Thành thư xã: Truyền bá các sách báo có nội dung yêu nước, được thành lập năm 1905.

- Liên Thành thương quán (tức công ty Liên Thành): Làm kinh tế gây quỹ hoạt động, đồng thời tạo công ăn việc làm cho Nhân dân, được thành lập năm 1906.

- Dục Thanh học hiệu (tức trường Dục Thanh): Dạy cho con em người yêu nước và lao động nghèo theo nội dung yêu nước và tiên bộ, được thành lập năm 1907.

Theo sự phân công, Nguyễn Quý Anh được đặc trách trông nom trường Dục Thanh (Giám hiệu) cho đến khi trường đóng cửa vào năm 1912.

Năm 1917, Ông được cử làm Tổng lý (Giám đốc) thay cho Hồ Tá Bang, để ông này lãnh nhiệm vụ Nghị trường (Chủ tịch Hội đồng Quản trị). Sau đó, Tổng cuộc công ty Liên Thành chính thức dời vào Chợ Lớn, và Nguyễn Quý Anh giữ chức vụ trên cho đến khi mất.

Năm Mậu Dần (1938), ông qua đời tại Chợ Lớn lúc 55 tuổi, an táng tại Phú Nhuận (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh).

**26. PHẠM HOÀI CHUÔNG** (1928 - 2007) (Sáu Nam): Thiếu tướng (1989); Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thuận Hải (1986 - 1992) Quân khu 5. Quê xã Chợ Lâu, huyện Hòa Đa, nay là thị trấn Chợ Lâu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận; nhập ngũ 1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1947).

Trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1946) cán bộ thiếu niên, thanh niên, thư ký Ủy ban hành chính xã. Từ năm 1946 - 1949, trưởng thành từ chiến sĩ đến cán bộ Đại đội Quang Trung, Tiểu đoàn 89, Trung đoàn 82. Từ năm 1949 - 1954, Chính trị viên Tiểu đoàn 86, Trung đoàn 812.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1965), Tiểu đoàn trưởng, trở lại miền Nam, Chỉ huy trưởng đơn vị 2-9, Trưởng ban Quân sự, Trưởng ban Chính trị, Tỉnh ủy viên tỉnh Bình Thuận. Từ tháng 9/1965 - 5/1966, Phó Chính ủy Trung đoàn 346, Quân khu 6; từ năm 1966 - 2/1973, Chính trị viên phó, Chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận. Từ năm 1973 - 3/1976 Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 6.

Từ năm 1976 đến năm 1986, trải qua các chức vụ từ Chủ nhiệm Chính trị đến Phó Chính ủy, Phó Chỉ huy trưởng về Chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thuận Hải. 1986 - 1992 Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thuận Hải. Đại biểu Quốc hội khóa VIII. Nghỉ hưu 1992.

Được tặng thưởng: Huân chương Kháng chiến (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba), Huân chương Chiến công (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba), Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba), Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng.

**27. TRƯƠNG CHÍ CƯỜNG** (1919 - 1975): Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, Ủy viên Phân ban cực Nam Trung bộ (1947 - 1950). Quê ở xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Năm 1963, gia nhập tổ chức Đoàn Thanh niên Dân chủ.

Năm 1939 bị giặc Pháp bắt giam 02 năm tại Hội An. Cuối 1940, ra tù tiếp tục hoạt động. Năm 1942, được bầu làm Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ. Tháng 6/1942, bị giặc Pháp bắt và giam tại nhà tù Buôn Ma Thuột. Tháng 3/1945, Nhật đảo chính Pháp, tận dụng thời cơ, đồng chí cùng các tù chính trị thoát khỏi nhà tù về hoạt động tại Phú Yên, được cấp trên cử làm Trưởng ban khởi nghĩa, lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng cách mạng khởi nghĩa giành chính quyền tại tỉnh Phú Yên. Năm 1945 được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên. Ủy viên Phân ban cực Nam Trung bộ. Từ năm 1950 đến năm 1954, làm Ủy viên Liên khu ủy 5, Bí thư Ban cán sự cực Nam. Từ tháng 3/1951 đến tháng 8/1952, Bí thư Ban cán sự cực Nam được Liên khu ủy 5 chỉ định kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận. Từ năm 1954 đến năm 1959, tập kết và học tập tại miền Bắc. Cuối năm 1959, trở lại miền Nam chiến đấu giữ các chức vụ Ủy viên Thường vụ Khu 5, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ. Năm 1968, được giao Bí thư Đặc khu Quảng Đà lãnh đạo, chỉ đạo tổng tiến công Xuân 1968 tại Quảng Nam - Đà Nẵng. Từ năm 1971 đến năm 1973, Chính ủy Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên. Năm 1974 ra miền Bắc điều trị bệnh. Từ trần vào tháng 3/1975.

Được tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

\*\*\*

1. Từ điển Quân sự tỉnh Bình Thuận. Quyết định xuất bản số: 177/QĐ-NXBQĐND ngày 08/7/2022.
2. 1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội: Tập 1/ Ban chỉ đạo quốc gia kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn. - H.: Chính trị quốc gia, 2000. - 393tr. ; 22cm.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam những trang sử vẻ vang : 1930 - 2002 / Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tạp chí Lịch sử Đảng.- H.: Chính trị Quốc gia, 2003.- 655 tr.; 22 cm.
4. 20 trận đánh trong lịch sử dân tộc: Thế kỷ X - XIII / Bộ Quốc phòng. Viện lịch sử quân sự Việt Nam. -H. :Quân đội nhân dân, 2003. - 366tr; 19cm)
5. Tài liệu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh: Dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở/Ban Tư tưởng - văn hóa Trung ương. - H. :Chính trị quốc gia, 2003. - 180tr. ; 19cm.
6. Phố và đường Hà Nội/Nguyễn Vinh Phúc.- H.: Giao thông vận tải, 2004.- 814 tr.; 21 cm.
7. Từ điển Bách khoa Việt Nam tập 1, Trung tâm Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, năm 1995. Theo website của Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế.
8. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Dùng trong các trường đại học, cao đẳng/Bộ Giáo dục và đào tạo.- H.: Chính trị quốc gia, 2005.- 252 tr.; 19 cm.
9. Các Đại hội đại biểu toàn quốc và Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam: 1930 - 2006/Nguyễn Trọng Phúc chủ biên. -H. : Chính trị quốc gia, 2006. - 727tr, ;24 cm
10. Đường phố thành phố Hồ Chí Minh/Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Đình Tư)
11. Từ điển địa danh văn hóa và thắng cảnh Việt Nam = Dictionary of Vietnamese Cultural place names and Scenic spots/Nguyễn Như Ý, Nguyễn Thành Chương, Bùi Thiết. - H. : Khoa học xã hội, 2004. -1223tr.
12. Bách khoa toàn thư tuổi trẻ : Nhân loại - Xã hội/Thái Hoàng, Chu Quý, Ngô Văn Tuyển biên dịch. -H. :Phụ nữ, 2005. - 650 tr.
13. Đại cương lịch sử Việt Nam : Toàn tập; Từ thời nguyên thủy đến năm 2000/Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn. -H.:Giáo dục, 2003. - 1175 tr.
14. Báo Quân đội nhân dân điện tử, Giấy phép số: 259/GP-BTTTT ngày 12/5/2021.
15. Báo Điện Biên Phủ online, Hậu cần trong chiến dịch Trần Đình, thứ ba 7:19 03/05/2022
16. Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam/Bộ Quốc phòng- NXB Quân đội nhân dân, 2004.

17. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam / Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế.*- TP.HCM: Nxb Tổng hợp, 2006.- 1690 tr)

18. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam / Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh chủ biên, Phan Đại Doãn....*- H.: Giáo dục, 2006.- 648 tr.; 24 cm)

19. Bài viết “Anh hùng “mạnh như hổ””, ngày 13/6/2018 của Trang Sự kiện và Nhân chứng- Nguyệt san của Báo Quân đội nhân dân (Cơ quan của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng) (Tiếng nói của Lực lượng Vũ trang và Nhân dân Việt Nam) (địa chỉ Bài viết tại Trang Thông tin điện tử: <https://sknc.qdnd.vn/nhan-vat/anh-hung-manh-nhu-ho-501003>); Báo Nhân Dân, số 61, ngày 12-6-1952, tr.3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.423-424. (địa chỉ Bài viết tại Trang Thông tin điện tử: <https://hochiminh.nhandan.vn/nguyen-quoc-tri-1332.html>)).

20. Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng nước CHXHCNVN: <http://mod.gov.vn/vn/noi-dung/sa-qdndvn/sa-qdndvn-child/sa-qdndvn-ahllvtnd/sa-qdndvn-ahllvtnd-cn/b4dd9382-8487-4f8f-a1f7-2318826ba6e8>. <https://baothaibinh.com.vn/tin-tuc/0/98908/nguyen-thi-chien-nu-anh-hung-tay-khong-bat-giac>.

21. Những điệp viên 'có một không hai' trong lịch sử quân sự Việt Nam | Xã hội | Vietnam+ (VietnamPlus).

22. <https://baobinhduong.vn/anh-hung-luc-luong-vu-trang-nhan-dan-nguyen-van-song-3-lan-thoat-chet-truoc-hong-sung-ke-thu-a87114.html>.

23. Phạm Ngọc Thảo – Người tình báo đặc biệt “Có một không hai” Trong lịch sử quân sự Việt Nam - Trang thông tin điện tử Trường Chính Trị (baria-vungtau.gov.vn)).

24. *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam / Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quỳnh chủ biên; Phan Đại Doãn, Chương Thâu...-H. :Giáo dục, 2006. -647 tr.*

25. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận tập II thời kỳ 1954 – 1975 (sơ thảo) (Giấy phép xuất bản số 124/GBXB do Sở Văn hóa Thông tin Bình Thuận cấp ngày 14/11/2000) và Sơ yếu lý lịch Đảng viên của đồng chí Lê Thứ) và Báo Bình Thuận số 5776, ngày 09/6/2017.*

26. Bài viết *Lục Thị Đậu - người mở đường Phan Thiết - Mũi Né*, tác giả Lê Huân tại chuyên mục Đất và người Bình Thuận của Báo Bình Thuận Năm thứ 37, số 5041, ngày 15/8/2014 (Tổng Biên tập Lê Hồng Văn))

27. Thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn dữ liệu khác: Ngân hàng tên đường và công trình công cộng của các tỉnh: Quảng Nam, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bình Dương, Kiên Giang, Lào Cai, Ninh Thuận./.